



BẢNG BÁO GIÁ

TRẦN NHÔM | LAM CHẮN NẮNG | TẦM ỐP NHÔM

"BG: 15-01-2026/ATG"

CÔNG TY CỔ PHẦN AUSTRONG GROUP



ISO 9001-2015 | TRUSTED BRAND



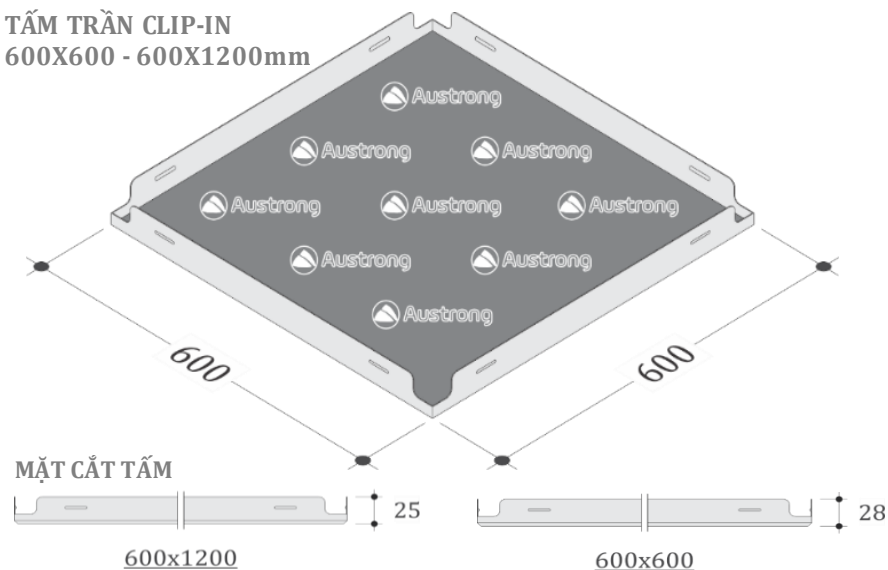
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê .Anh Văn

1. TRẦN NHÔM AUSTRONG CLIP-IN (A1)

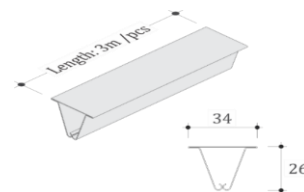
Bảo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	Sơn Polyester (Màu trắng)
Clip-in 600x600mm	VNĐ/M2	0.50	325,000	334,000
		0.60	395,000	398,000
		0.70	464,000	462,000
		0.80	531,000	525,000
Clip-in 600x1200mm	VNĐ/M2	0.80	592,000	528,000
		0.90	663,000	607,000
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A1		41,000
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A1		1,000
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A1		1,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		52,000

TẤM TRẦN CLIP-IN
600X600 - 600X1200mm



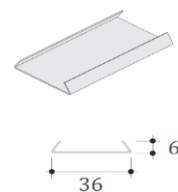
KHUNG TAM GIÁC



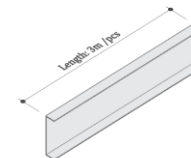
MÓC TAM GIÁC



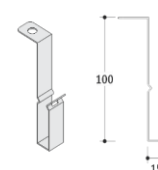
NỐI TAM GIÁC



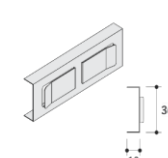
KHUNG C38



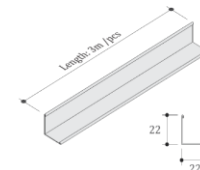
MÓC C38



NỐI C38



V GÓC NHÔM



GHI CHÚ:

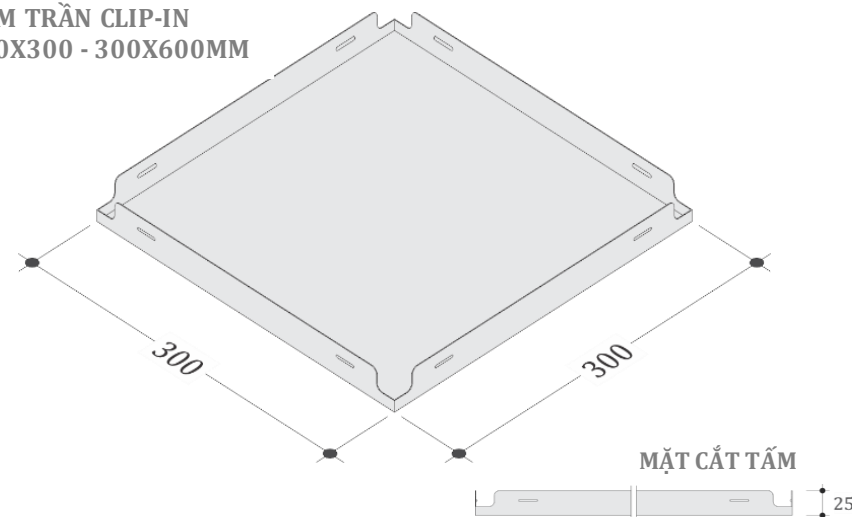
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

1. TRẦN NHÔM AUSTRONG CLIP-IN (A2)

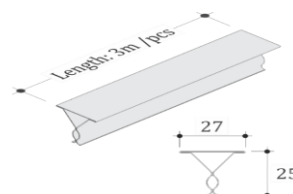
Bảo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	Sơn Polyester (Màu trắng)
Clip-in 327x327mm	VNĐ/M2	0.40	309,000	
		0.50	393,000	
Clip-in 300x300mm		0.40	334,000	323,000
		0.50	412,000	389,000
		0.60	500,000	467,000
Clip-in 300x600mm		0.50	373,000	367,000
		0.60	450,000	434,000
		0.70	528,000	500,000
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A2		26,000
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A2		1,000
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A2		1,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		52,000

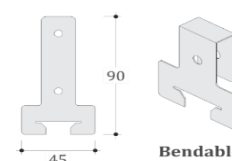
TẤM TRẦN CLIP-IN
300X300 - 300X600MM



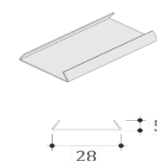
KHUNG TAM GIÁC



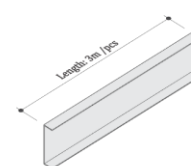
MÓC TAM GIÁC



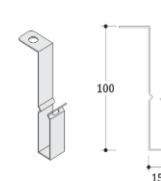
NỐI TAM GIÁC



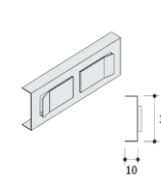
KHUNG C38



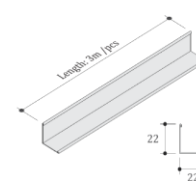
MÓC C38



NỐI C38



V GÓC NHÔM



GHI CHÚ:

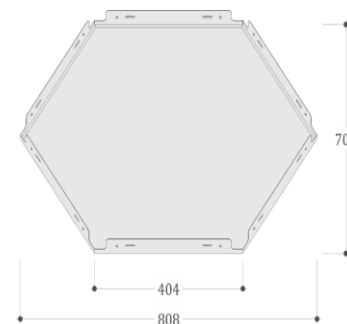
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

1. TRẦN NHÔM LỤC GIÁC - HEXAGON CLIP-IN

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn tĩnh điện (Màu trắng)	Sơn tĩnh điện (Màu trắng)
Hexagon (lục giác) 404x700x808mm	VNĐ/M2	0.80	1,013,000	1,114,000
		0.90	1,103,000	1,213,000
		1.00	1,190,000	1,309,000
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A2		26,000
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A2		1,000
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A2		1,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		52,000

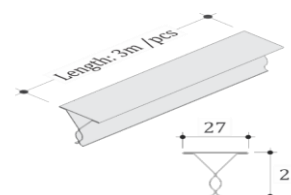
TẤM TRẦN LỤC GIÁC PHẪNG



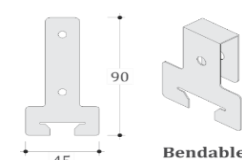
TẤM TRẦN LỤC GIÁC ĐỤC LỖ



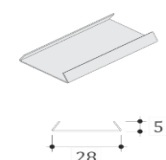
KHUNG TAM GIÁC



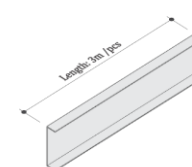
MÓC TAM GIÁC



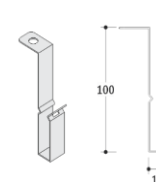
NỐI TAM GIÁC



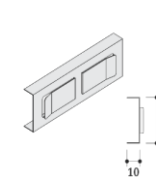
KHUNG C38



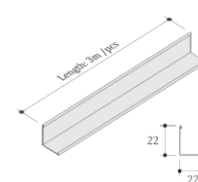
MÓC C38



NỐI C38



V GÓC NHÔM



GHI CHÚ:

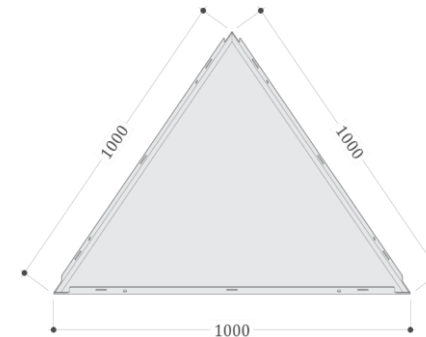
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

1. TRẦN NHÔM TAM GIÁC - TRIANGLE CLIP-IN

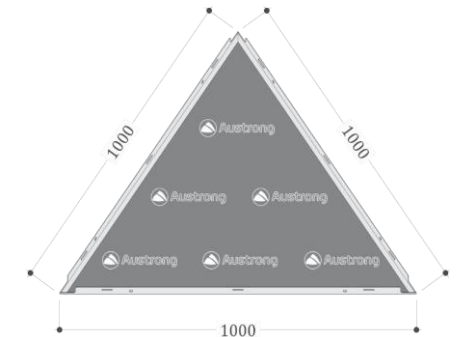
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn tĩnh điện (Màu trắng)	Sơn tĩnh điện (Màu trắng)
Triangle (tam giác) 1000x1000x1000mm	VNĐ/M2	0.80	989,000	1,088,000
		0.90	1,077,000	1,185,000
		1.00	1,165,000	1,282,000
Phụ kiện Khung tam giác	VNĐ/Thanh	Xương tam giác A2		26,000
	VNĐ/Chiếc	Móc tam giác A2		1,000
	VNĐ/Chiếc	Nối tam giác A2		1,000
	VNĐ/Chiếc	Nối 6 đầu		25,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		52,000

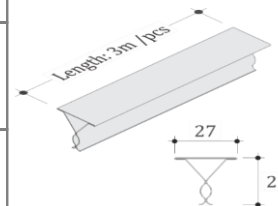
TẤM TRẦN TAM GIÁC PHẪNG



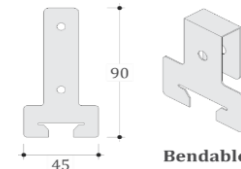
TẤM TRẦN TAM GIÁC ĐỤC LỖ



KHUNG TAM GIÁC



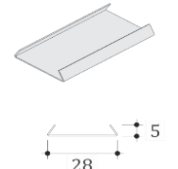
MÓC TAM GIÁC



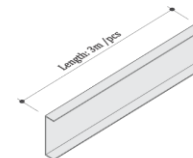
NỐI 6 ĐẦU



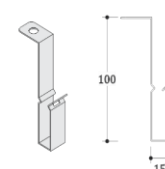
NỐI TAM GIÁC



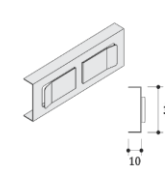
KHUNG C38



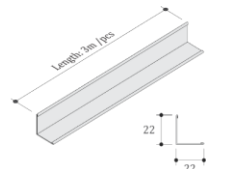
MÓC C38



NỐI C38



V GÓC NHÔM



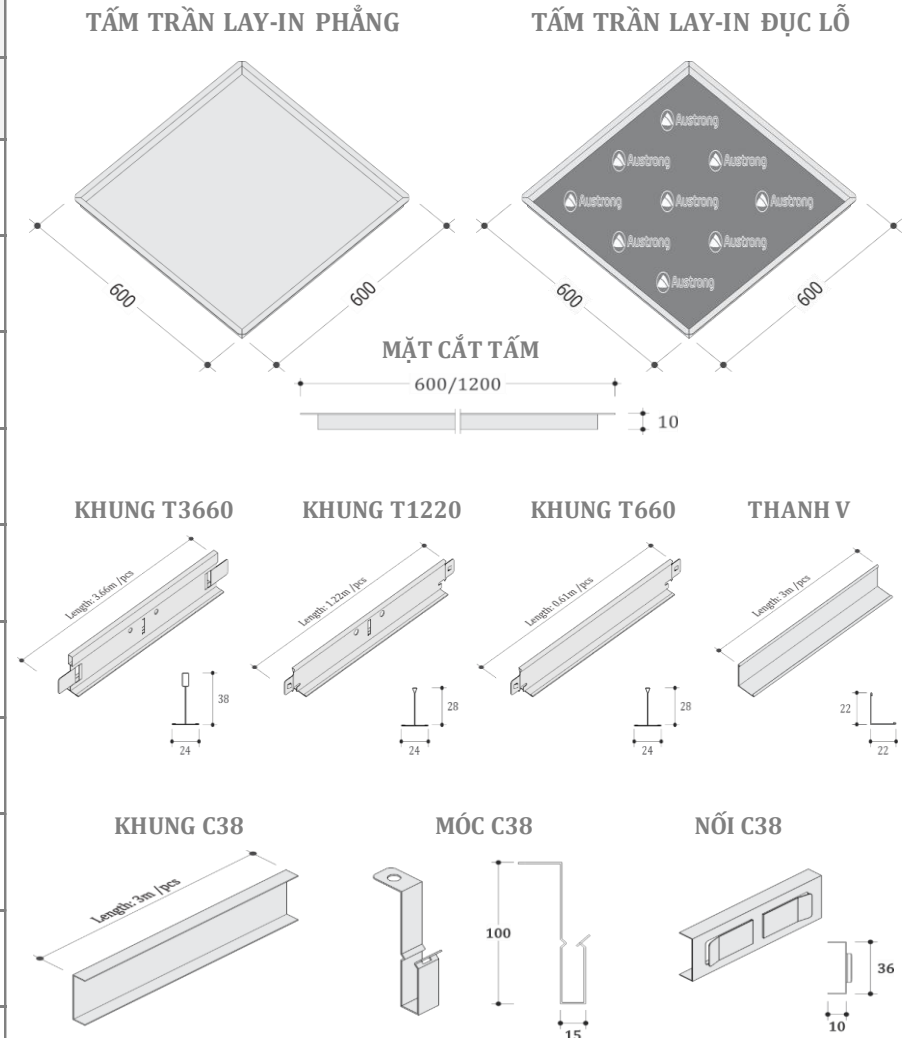
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

2. TRẦN NHÔM AUSTRONG LAY-IN T-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	Sơn Polyester (Màu trắng)
Lay-in T-Shaped 600x600mm	VNĐ/M2	0.50	306,000	303,000
		0.60	367,000	362,000
		0.70	431,000	417,000
		0.80	495,000	475,000
Lay-in T-Shaped 600x1200mm		0.90	599,000	549,000
Phụ kiện Khung T-Shaped	VNĐ/Thanh	T-shaped 38x24x3660mm		51,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x1220mm		15,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x610mm		9,000
	VNĐ/Thanh	V góc thép 22x22x3000mm		22,000
Phụ kiện Khung C38	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000



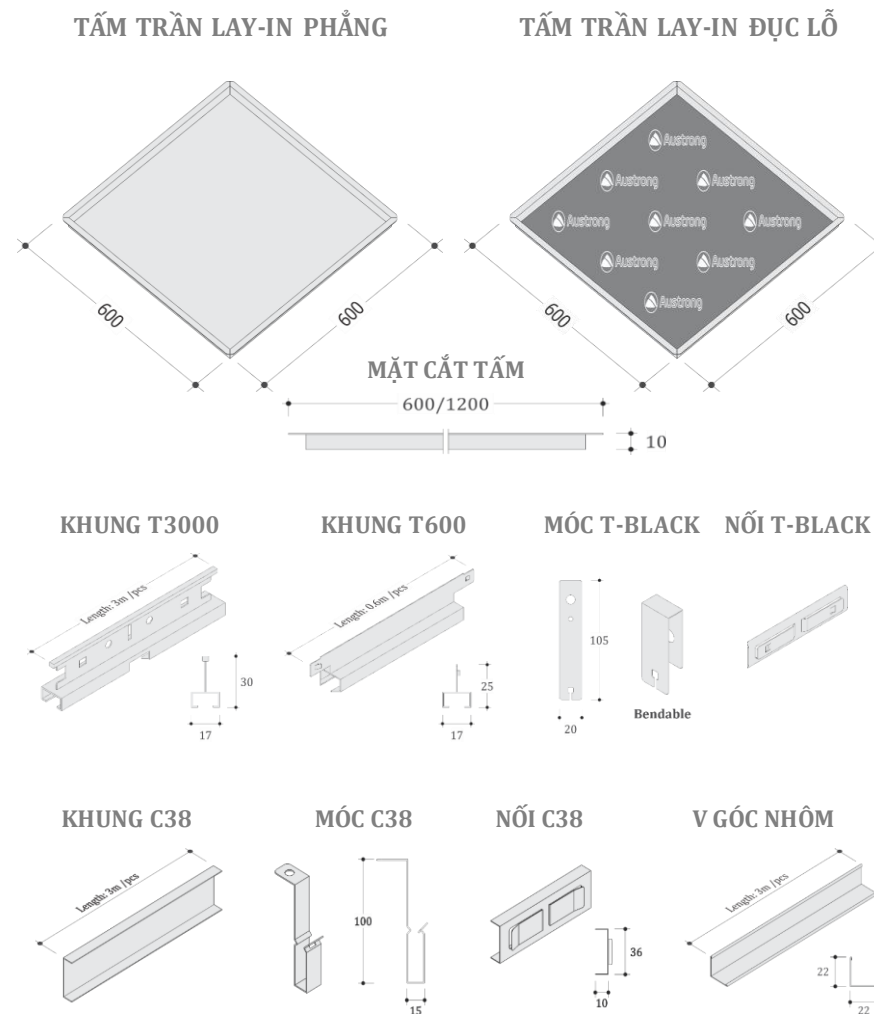
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn trắng (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

2. TRẦN NHÔM AUSTRONG LAY-IN T-BLACK

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu trắng)	Sơn Polyester (Màu trắng)
Lay-in T-Black 600x600mm	VNĐ/M2	0.50	306,000	303,000
		0.60	367,000	362,000
		0.70	431,000	417,000
		0.80	495,000	475,000
Lay-in T-Black 600x1200mm		0.90	599,000	549,000
Phụ kiện Khung T-Black	VNĐ/Thanh	T-Black 17x30x3000mm		149,000
	VNĐ/Thanh	T-Black 17x25x600mm		30,000
	VNĐ/Chiếc	Móc T-Black		2,000
	VNĐ/Chiếc	Nối T-Black		2,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		52,000



GHI CHÚ:

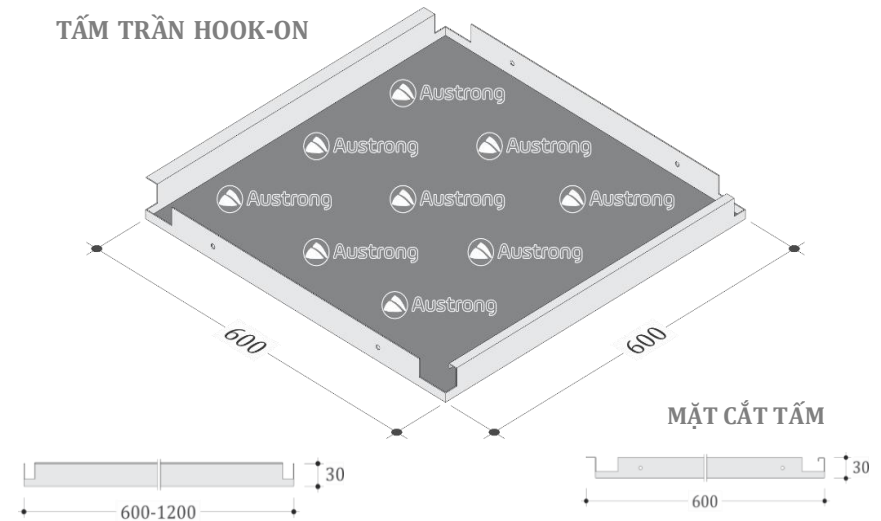
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Nhôm rãnh đen, thép (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

3. TRẦN NHÔM AUSTRONG HOOK-ON

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN	BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn tĩnh điện (Màu trắng)	Sơn tĩnh điện (Màu trắng)
Hook-on 600x600mm	VNĐ/M2	0.70	697,000	734,000
		0.80	776,000	817,000
		0.90	858,000	903,000
Hook-on 600x1200mm		0.80	836,000	880,000
		0.90	915,000	963,000
Phụ kiện Khung Hook-on	VNĐ/Thanh	Xương Hook-on 3000mm		182,000
	VNĐ/Chiếc	Móc Hook-on		8,000
	VNĐ/Chiếc	Kẹp Hook-on		9,000
	VNĐ/Chiếc	Nối Hook-on		9,000
Phụ kiện Khung C38, V góc	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm		35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38		3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38		2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		52,000

TẤM TRẦN HOOK-ON

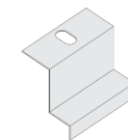
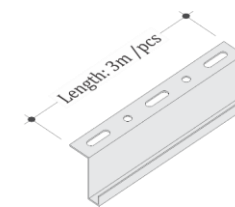


MÓC

KHUNG Z 3000

KẸP TẤM

NỐI

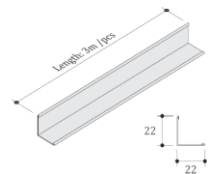
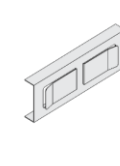
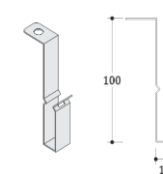
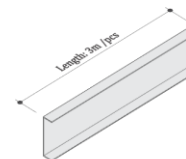


KHUNG C38

MÓC C38

NỐI C38

V GÓC NHÔM



GHI CHÚ:

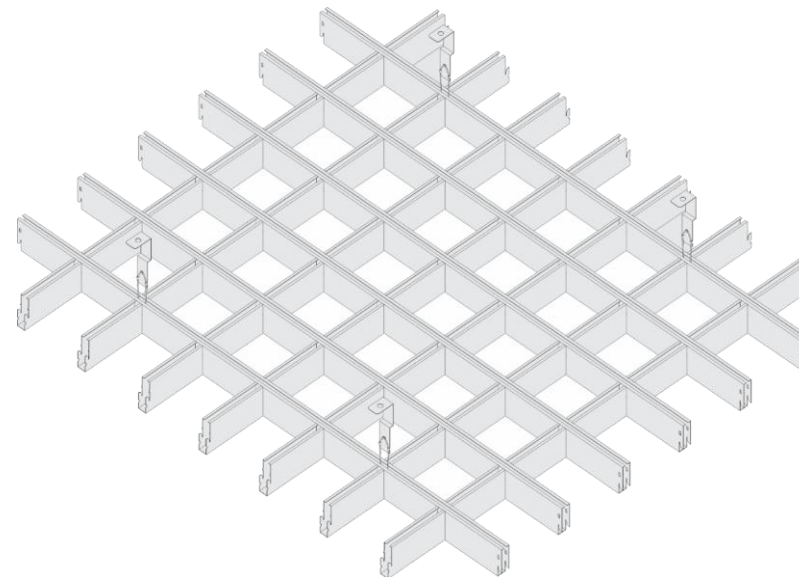
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

4. TRẦN NHÔM AUSTRONG - CELL (CARO)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ POLYESTER	
			(Màu phổ thông)	(Màu vân gỗ)
Cell 50x50mm	VNĐ/M2	0.40	1,000,000	1,030,000
		0.50	1,260,000	1,298,000
		0.60	1,520,000	1,566,000
Cell 75x75mm	VNĐ/M2	0.40	663,000	683,000
		0.50	825,000	850,000
		0.60	1,000,000	1,030,000
Cell 100x100mm	VNĐ/M2	0.40	500,000	515,000
		0.50	640,000	659,000
		0.60	770,000	793,000
Cell 150x150mm	VNĐ/M2	0.40	332,000	342,000
		0.50	419,000	432,000
		0.60	507,000	522,000
Cell 200x200mm	VNĐ/M2	0.40	260,000	268,000
		0.50	325,000	335,000
		0.60	390,000	402,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm		52,000
	VNĐ/Chiếc	Móc treo Inox		5,000

CẤU TẠO TRẦN CELL (CARO)



CROSS CELL / THANH CARO TRÊN



MAIN CELL / THANH CARO DƯỚI



MÓC TREO



V GÓC NHÔM



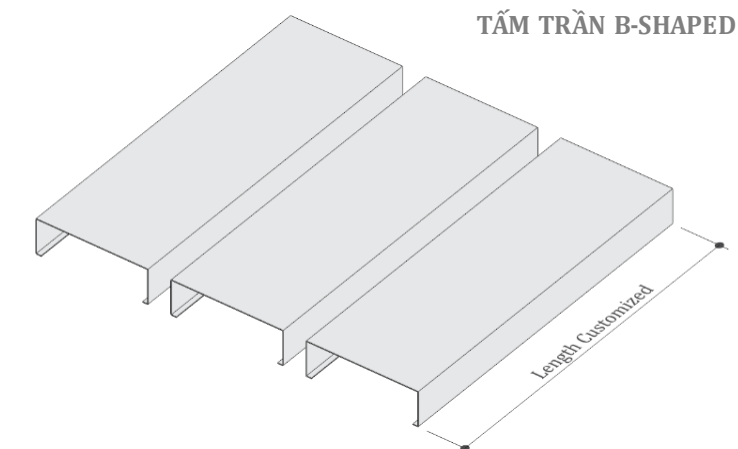
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm mác A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Móc treo trần Cell (Inox 304)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm nhân công lắp đặt hoàn thiện

5. TRẦN NHÔM AUSTRONG B-SHAPED

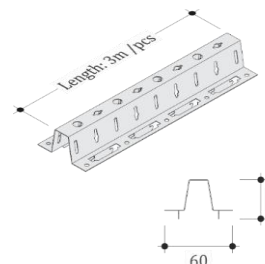
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
B30-Shaped	VNĐ/M2	0.60	580,000	597,000	
		0.70	680,000	700,000	
B80-Shaped		0.60	460,000	474,000	
		0.70	540,000	556,000	
B130-Shaped		0.60	420,000	433,000	
		0.70	494,000	509,000	
B180-Shaped		0.60	395,000	407,000	
		0.70	465,000	479,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương B mạ kẽm (V-joint)			106,000
	VNĐ/Thanh	Xương UB40 sơn đen, 3000mm			66,000
	VNĐ/Thanh	Thanh V-Join			37,000
	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm			35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38			3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38			2,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000

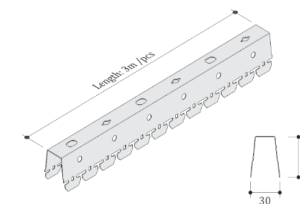


TẤM TRẦN B-SHAPED

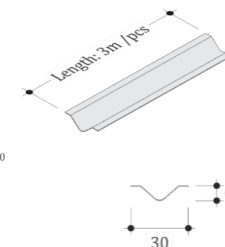
KHUNG B-SHAPED



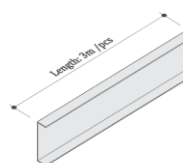
KHUNG UB40-SHAPED



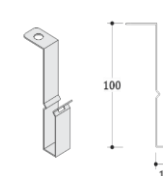
V-JOIN



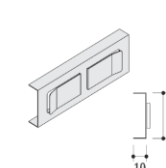
KHUNG C38



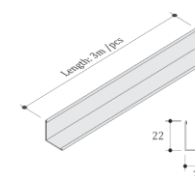
MÓC C38



NỐI C38



V GÓC NHÔM



GHI CHÚ:

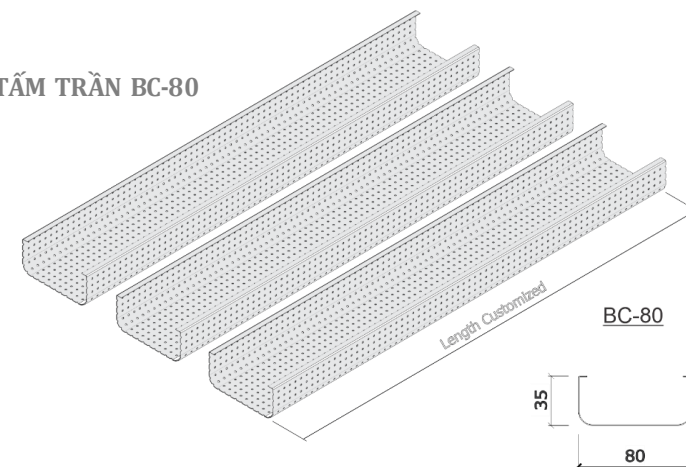
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

6. TRẦN NHÔM AUSTRONG - BC80

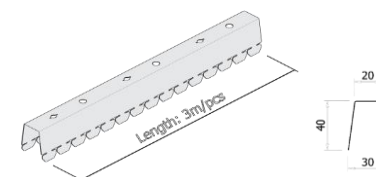
Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	KHE HỖ 20MM		KHE HỖ 40MM	
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)
BC80- Shaped	VNĐ/M2	0.60	580,000	597,000	484,000	499,000
		0.70	680,000	700,000	567,000	584,000
		0.80	780,000	803,000	650,000	670,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40 sơn đen, 3000mm				66,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm				52,000
	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm				35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38				3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38				2,000

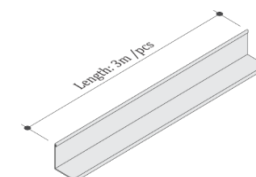
TẤM TRẦN BC-80



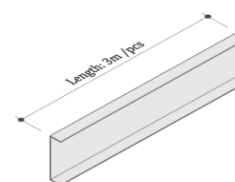
KHUNG UB40 MẠ KẼM, SƠN ĐEN



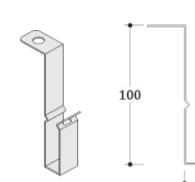
V GÓC NHÔM



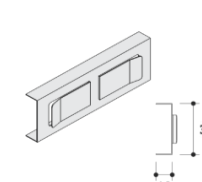
KHUNG C38



MÓC C38



NỐI C38



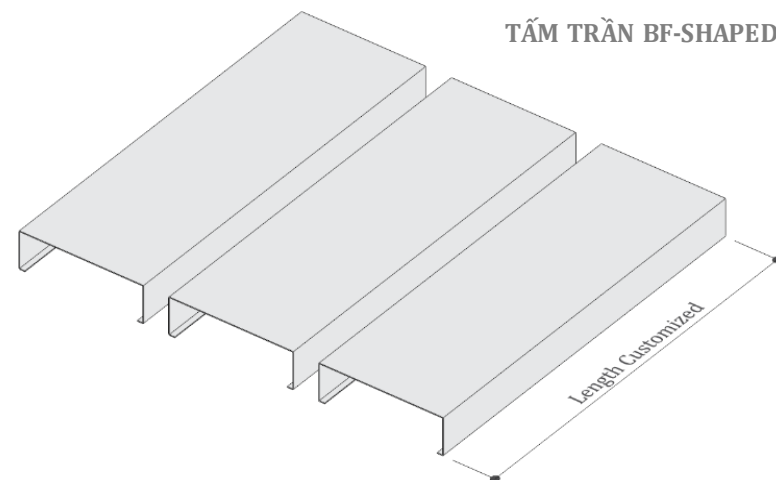
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

7. TRẦN NHÔM AUSTRONG BF-SHAPED

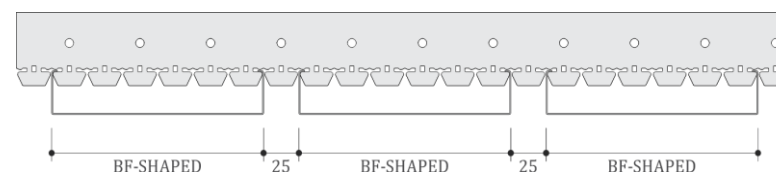
Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
BF150K25	VNĐ/M2	0.70	800,000	880,000	
		0.80	915,000	1,007,000	
BF175K25		0.70	780,000	858,000	
		0.80	890,000	979,000	
BF200K25		0.80	880,000	968,000	
		0.90	987,000	1,086,000	
BF225K25		0.80	864,000	950,000	
		0.90	968,000	1,065,000	
BF250K25		0.80	844,000	928,000	
		0.90	946,000	1,041,000	
BF275K25		0.80	837,000	921,000	
		0.90	940,000	1,034,000	
BF300K25		0.80	825,000	908,000	
		0.90	924,000	1,016,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương B52 sơn đen, 3000mm			121,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000

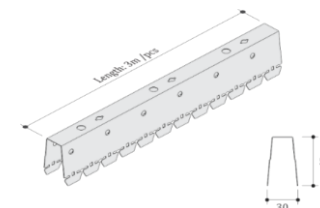


TẤM TRẦN BF-SHAPED

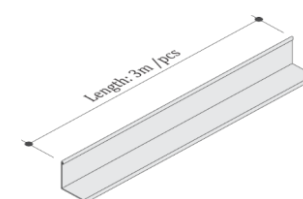
MẶT CẮT



KHUNG B52 MẠ KẼM, SƠN ĐEN



V GÓC NHÔM



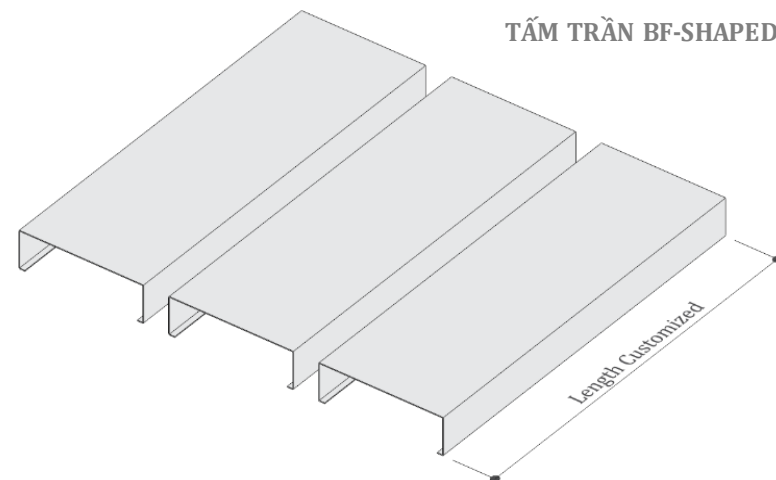
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

7. TRẦN NHÔM AUSTRONG BF-SHAPED (tiếp)

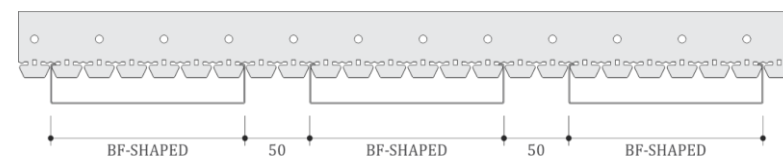
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
BF150K50	VNĐ/M2	0.70	700,000	770,000	
		0.80	800,000	880,000	
BF175K50		0.70	694,000	763,000	
		0.80	792,000	871,000	
BF200K50		0.80	792,000	871,000	
		0.90	888,000	977,000	
BF225K50		0.80	786,000	865,000	
		0.90	880,000	968,000	
BF250K50		0.80	774,000	851,000	
		0.90	867,000	954,000	
BF275K50		0.80	773,000	850,000	
		0.90	868,000	955,000	
BF300K50		0.80	766,000	843,000	
		0.90	858,000	944,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương B52 sơn đen, 3000mm			121,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000

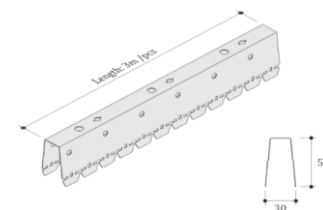


TẤM TRẦN BF-SHAPED

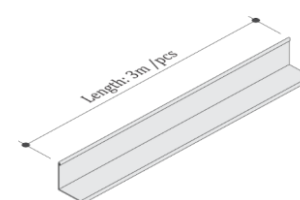
MẶT CẮT



KHUNG B52 MẠ KẼM, SƠN ĐEN



V GÓC NHÔM



GHI CHÚ:

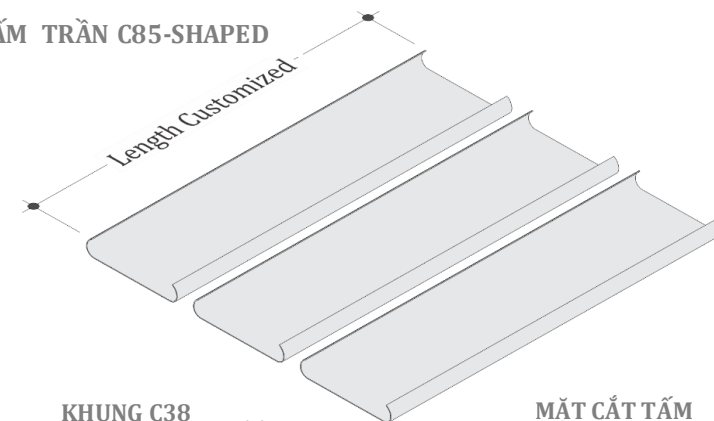
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

8. TRẦN NHÔM C85-SHAPED

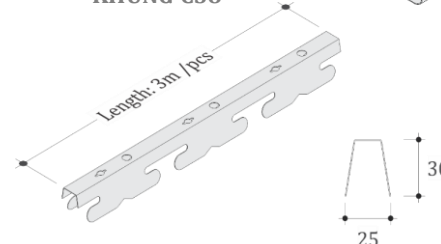
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
C85	VNĐ/M2	0.60	380,000	391,000	
		0.70	440,000	453,000	
		0.80	500,000	515,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương C85 sơn đen, 3000mm			50,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000
	VNĐ/Thanh	Thanh C-Join, 3000mm			73,000

TẤM TRẦN C85-SHAPED



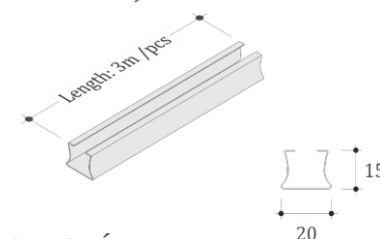
KHUNG C38



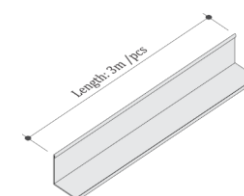
MẶT CẮT TẤM



C-JOIN



V GÓC NHÔM



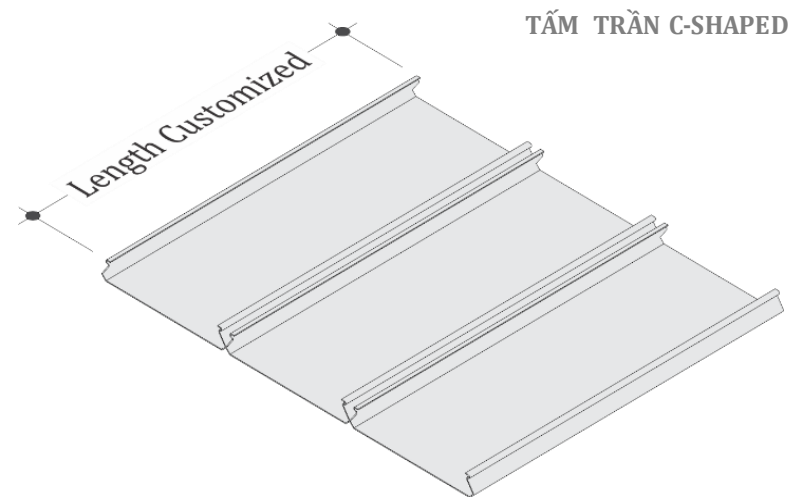
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

8. TRẦN NHÔM AUSTRONG C-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
C100	VNĐ/M2	0.60	460,000	474,000	
		0.70	530,000	546,000	
		0.80	610,000	628,000	
C150		0.60	420,000	433,000	
		0.70	487,000	502,000	
		0.80	560,000	577,000	
C200		0.70	465,000	479,000	
		0.80	530,000	546,000	
Phụ kiện		VNĐ/Thanh	Xương C-shaped, 3000mm		
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000

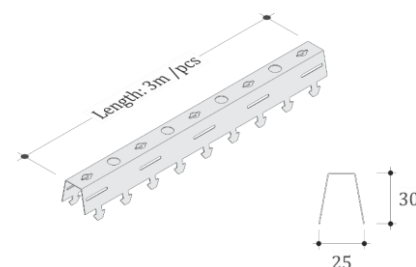


TẤM TRẦN C-SHAPED

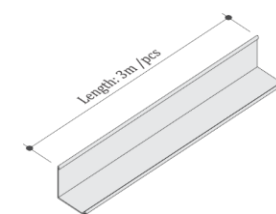
MẶT CẮT TẤM



KHUNG C-SHAPED



V GÓC NHÔM



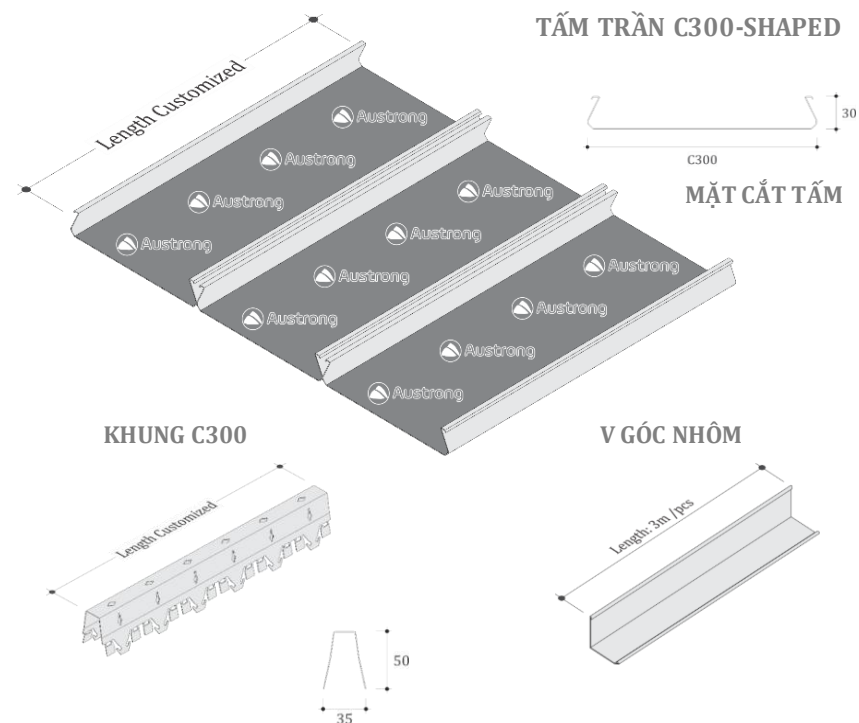
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

8. TRẦN NHÔM AUSTRONG C300-SHAPED

Bảo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
C300	VNĐ/M2	0.80	577,000	635,000	634,000
		0.90	650,000	715,000	714,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương C300-shaped, 3000mm			50,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000



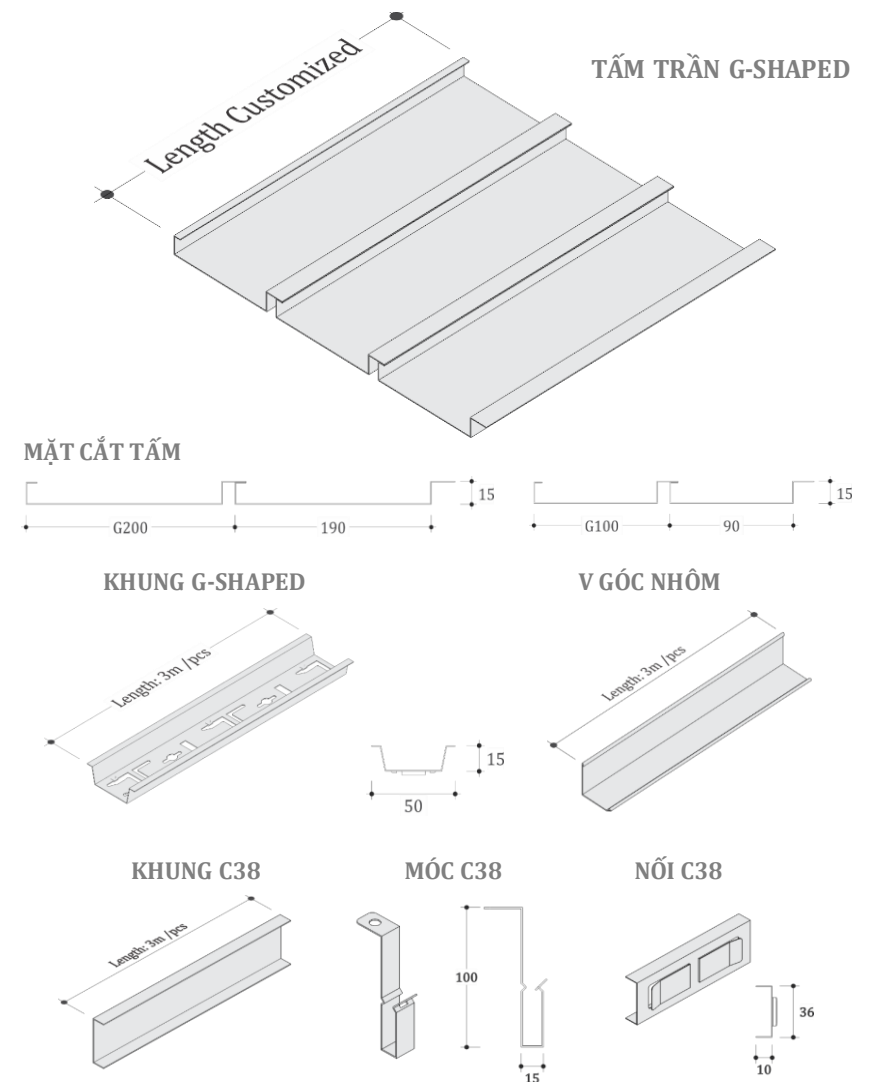
GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

9. TRẦN NHÔM AUSTRONG G-SHAPED

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
G100	VNĐ/M2	0.60	470,000	484,000	
		0.70	550,000	567,000	
		0.80	630,000	649,000	
G200		0.60	405,000	417,000	
		0.70	475,000	489,000	
		0.80	545,000	561,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương G-shaped, 3000mm			55,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000
	VNĐ/Thanh	Xương C38, 3000mm			35,000
	VNĐ/Chiếc	Móc C38			3,000
	VNĐ/Chiếc	Nối C38			2,000



GHI CHÚ:

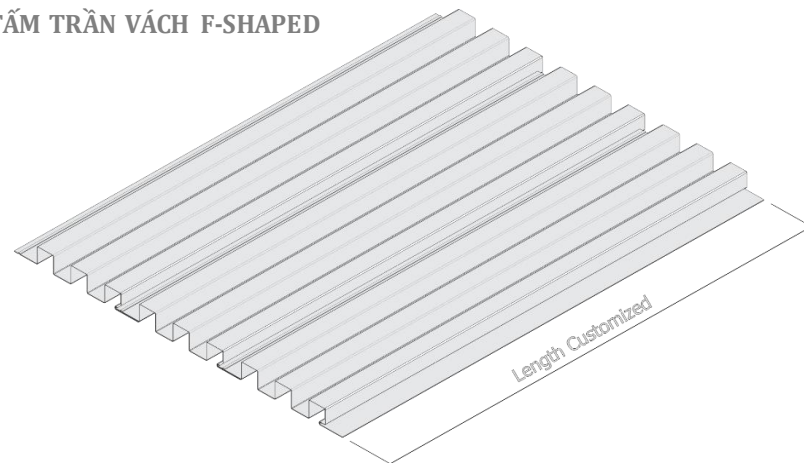
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp

10. TRẦN - VÁCH NHÔM F-SHAPED

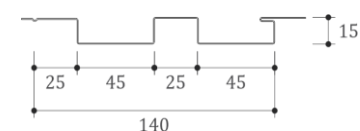
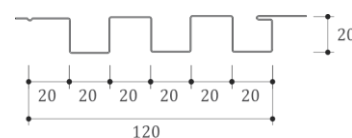
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
F20	VNĐ/M2	0.60	767,000	790,000	
		0.70	900,000	927,000	
		0.80	1,034,000	1,065,000	
F45		0.60	565,000	582,000	
		0.70	658,000	678,000	
		0.80	758,000	781,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương F-shaped, 3000mm			67,000
	VNĐ/Thanh	V góc nhôm, 3000mm			52,000

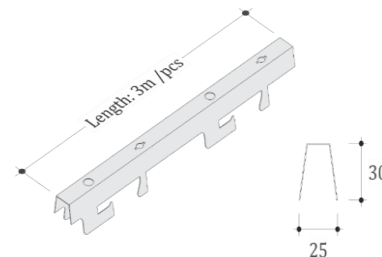
TẤM TRẦN VÁCH F-SHAPED



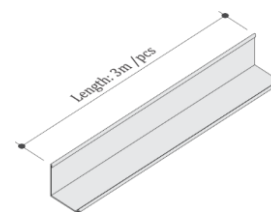
MẶT CẮT TẤM



KHUNG F-SHAPED



V GÓC NHÔM



GHI CHÚ:

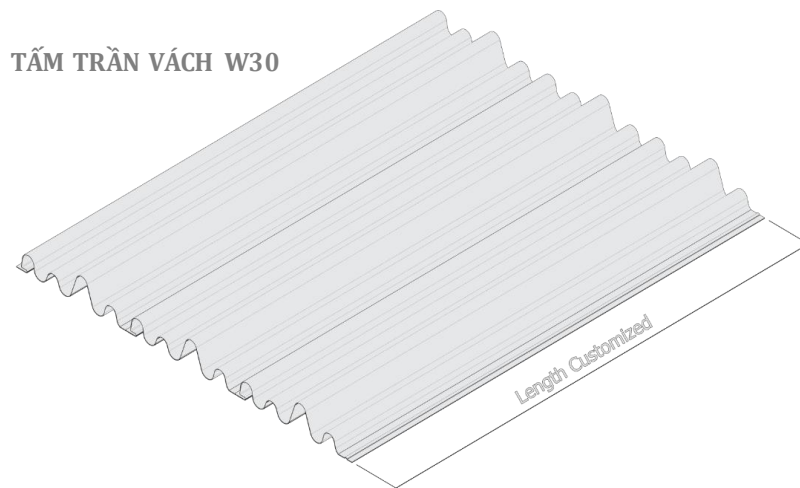
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

11. TRẦN - VÁCH NHÔM W30-WAVE

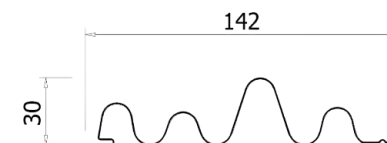
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT TRƠN		BỀ MẶT ĐỤC LỖ
			Sơn Polyester (Màu phổ thông)	Sơn Polyester (Màu vân gỗ)	Sơn Polyester (Màu phổ thông)
W30	VNĐ/M2	0.60	724,000	746,000	
		0.70	854,000	880,000	
		0.80	977,000	1,006,000	

TẤM TRẦN VÁCH W30



MẶT CẮT TẤM



GHI CHÚ:

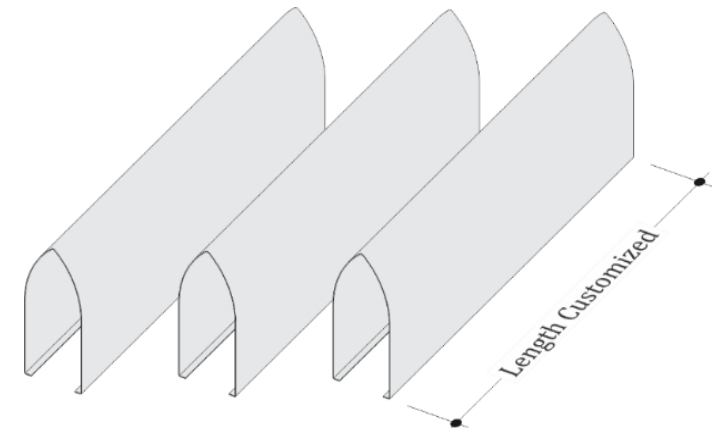
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần, vách dùng thép hộp mạ kẽm
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

12. TRẦN NHÔM AUSTRONG U-BULLET

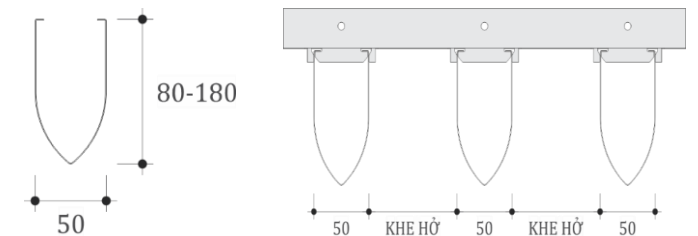
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	KHE HỖ (mm)				
			50 (Tim 100)	75 (Tim 125)	100 (Tim 150)	125 (Tim 175)	150 (Tim 200)
UD50x80	VNĐ/M2	0.60	640,000	512,000	427,000	366,000	320,000
		0.70	740,000	592,000	494,000	423,000	370,000
		0.80	850,000	680,000	567,000	486,000	425,000
UD50x100		0.60	780,000	624,000	520,000	446,000	390,000
		0.70	900,000	720,000	600,000	515,000	450,000
		0.80	1,030,000	824,000	687,000	589,000	515,000
UD50x120		0.60	910,000	728,000	607,000	520,000	455,000
		0.70	1,060,000	848,000	707,000	606,000	530,000
		0.80	1,210,000	968,000	807,000	692,000	605,000
UD50x150		0.60	1,120,000	896,000	747,000	640,000	560,000
		0.70	1,290,000	1,032,000	860,000	738,000	645,000
		0.80	1,490,000	1,192,000	994,000	852,000	745,000
UD50x180		0.60	1,320,000	1,056,000	880,000	755,000	660,000
		0.70	1,530,000	1,224,000	1,020,000	875,000	765,000
		0.80	1,750,000	1,400,000	1,167,000	1,000,000	875,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen					66,000

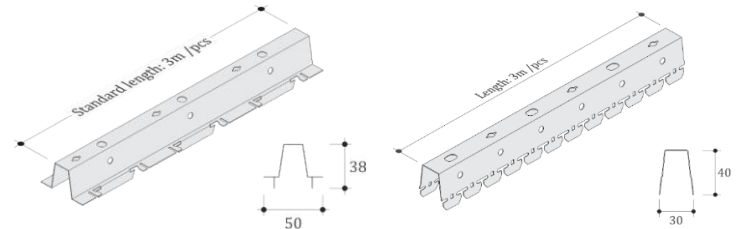
TẤM TRẦN U-BULLET



MẶT CẮT TẤM



KHUNG / PHỤ KIỆN



GHI CHÚ:

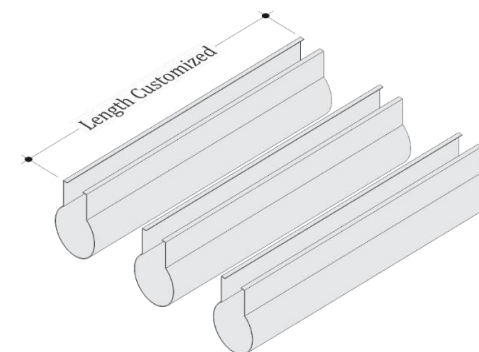
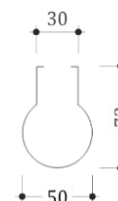
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

13. TRẦN NHÔM AUSTRONG O-TUBE

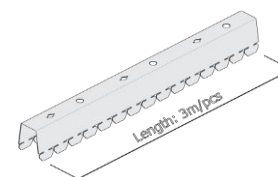
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	KHE HỖ (mm)			
			50	70	100	150
050	VNĐ/M2	0.60	690,000	575,000	460,000	345,000
		0.70	810,000	675,000	540,000	405,000
		0.80	930,000	775,000	620,000	465,000
070		0.60			553,000	
		0.70			648,000	
		0.80			748,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen				66,000
	VNĐ/Thanh	Xương O70-shaped mạ kẽm, sơn đen				82,000

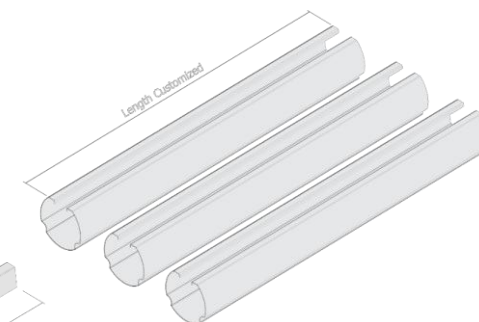
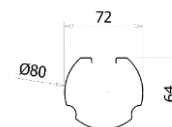
TẤM TRẦN O-50



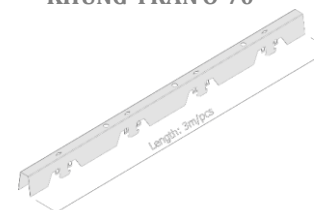
KHUNG TRẦN O-50



TẤM TRẦN O-70



KHUNG TRẦN O-70



GHI CHÚ:

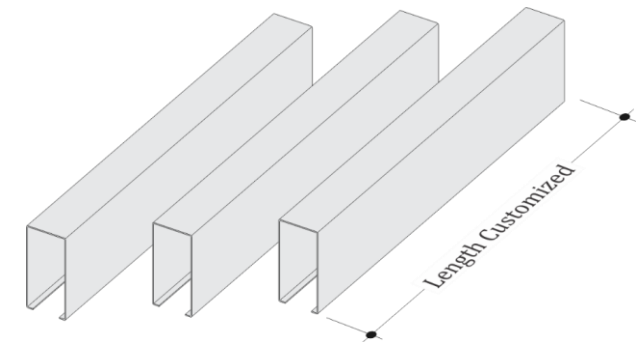
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu đặc biệt +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

14. TRẦN NHÔM AUSTRONG U30-SHAPED

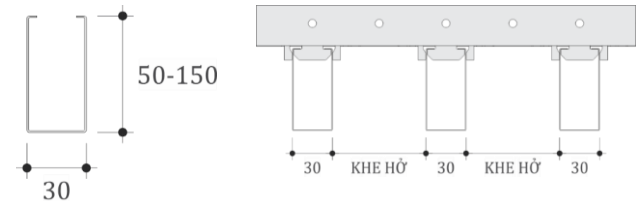
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	KHE HỖ (mm)					
			20 (Tim 50)	30 (Tim 60)	50 (Tim 80)	70 (Tim 100)	90 (Tim 120)	120 (Tim 150)
U30x50	VNĐ/M2	0.60	920,000	767,000	575,000	460,000	384,000	307,000
		0.70	1,080,000	900,000	675,000	540,000	450,000	360,000
U30x60		0.60	1,060,000	884,000	663,000	530,000	442,000	354,000
		0.70	1,240,000	1,034,000	775,000	620,000	517,000	414,000
U30x70		0.60	1,180,000	984,000	738,000	590,000	492,000	394,000
		0.70	1,400,000	1,167,000	875,000	700,000	584,000	467,000
U30x80		0.60	1,320,000	1,100,000	825,000	660,000	550,000	440,000
		0.70	1,560,000	1,300,000	975,000	780,000	650,000	520,000
U30x100		0.60	1,580,000	1,317,000	988,000	790,000	659,000	527,000
		0.70	1,860,000	1,550,000	1,163,000	930,000	775,000	620,000
U30x120		0.60	1,860,000	1,550,000	1,163,000	930,000	775,000	620,000
		0.70	2,180,000	1,817,000	1,363,000	1,090,000	909,000	727,000
U30x150		0.60	2,260,000	1,884,000	1,413,000	1,130,000	942,000	754,000
		0.70	2,640,000	2,200,000	1,650,000	1,320,000	1,100,000	880,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen						66,000

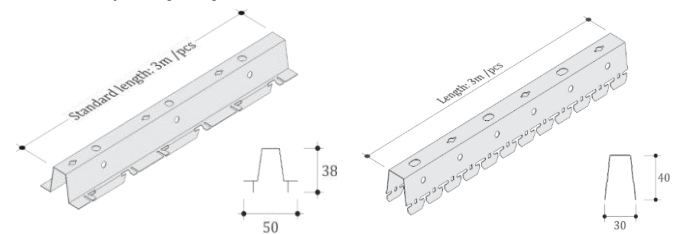
TẤM TRẦN U30-SHAPED



MẶT CẮT TẤM



KHUNG / PHỤ KIỆN



GHI CHÚ:

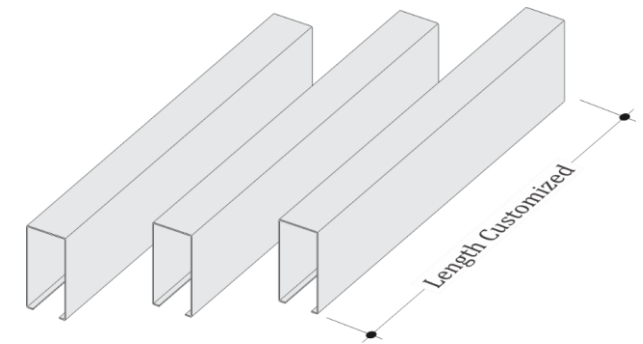
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

15. TRẦN NHÔM AUSTRONG U40-SHAPED

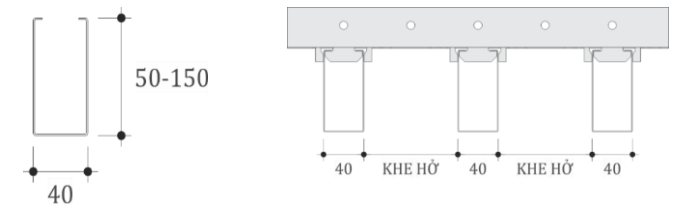
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	KHE HỖ (mm)					
			20 (Tim 60)	30 (Tim 70)	40 (Tim 80)	60 (Tim 100)	80 (Tim 120)	100 (Tim 140)
U40x50	VNĐ/M2	0.60	834,000	715,000	625,000	500,000	417,000	358,000
		0.70	967,000	829,000	725,000	580,000	484,000	415,000
U40x60		0.60	934,000	800,000	700,000	560,000	467,000	400,000
		0.70	1,100,000	943,000	825,000	660,000	550,000	472,000
U40x70		0.60	1,050,000	900,000	788,000	630,000	525,000	450,000
		0.70	1,234,000	1,058,000	925,000	740,000	617,000	529,000
U40x80		0.60	1,167,000	1,000,000	875,000	700,000	584,000	500,000
		0.70	1,367,000	1,172,000	1,025,000	820,000	684,000	586,000
U40x100		0.60	1,384,000	1,186,000	1,038,000	830,000	692,000	593,000
		0.70	1,617,000	1,386,000	1,213,000	970,000	809,000	693,000
U40x120		0.60	1,600,000	1,372,000	1,200,000	960,000	800,000	686,000
		0.70	1,884,000	1,615,000	1,413,000	1,130,000	942,000	808,000
U40x150		0.60	1,934,000	1,658,000	1,450,000	1,160,000	967,000	829,000
		0.70	2,267,000	1,943,000	1,700,000	1,360,000	1,134,000	972,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen						66,000

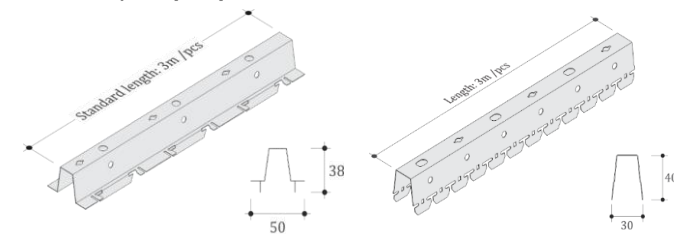
TẤM TRẦN U40-SHAPED



MẶT CẮT TẤM



KHUNG / PHỤ KIỆN



GHI CHÚ:

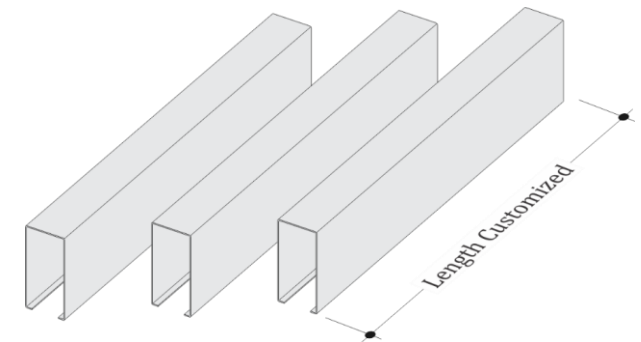
1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

16. TRẦN NHÔM AUSTRONG U50-SHAPED

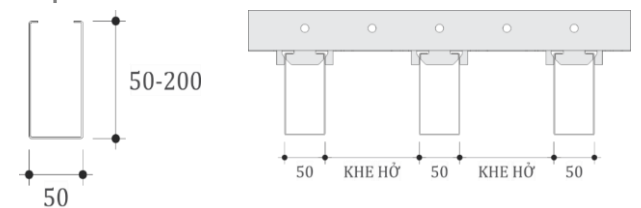
Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	KHE HỖ (mm)				
			50 (Tim 100)	75 (Tim 125)	100 (Tim 150)	125 (Tim 175)	150 (Tim 200)
U50x50	VNĐ/M2	0.60	530,000	424,000	354,000	303,000	265,000
		0.70	620,000	496,000	414,000	355,000	310,000
U50x60		0.60	600,000	480,000	400,000	343,000	300,000
		0.70	700,000	560,000	467,000	400,000	350,000
U50x70		0.60	660,000	528,000	440,000	378,000	330,000
		0.70	780,000	624,000	520,000	446,000	390,000
U50x80		0.60	730,000	584,000	487,000	418,000	365,000
		0.70	860,000	688,000	574,000	492,000	430,000
U50x100		0.60	860,000	688,000	574,000	492,000	430,000
		0.70	1,010,000	808,000	674,000	578,000	505,000
U50x150		0.60	1,200,000	960,000	800,000	686,000	600,000
		0.70	1,410,000	1,128,000	940,000	806,000	705,000
U50x200		0.60	1,530,000	1,224,000	1,020,000	875,000	765,000
		0.70	1,800,000	1,440,000	1,200,000	1,029,000	900,000
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương UB40-shaped mạ kẽm, sơn đen					66,000

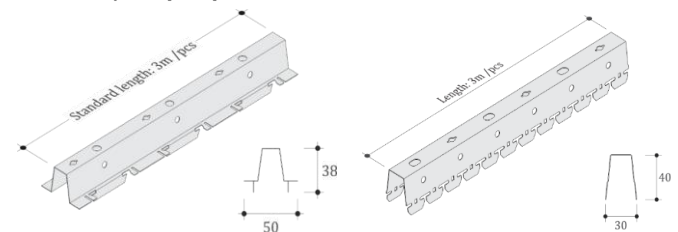
TẤM TRẦN U50-SHAPED



MẶT CẮT TẤM



KHUNG / PHỤ KIỆN



GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung thép mạ kẽm, sơn đen (ASTM C635/C635-M17)
3. Sơn phủ Polyester màu tiêu chuẩn (ASTM D3359-93)
4. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3%
5. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

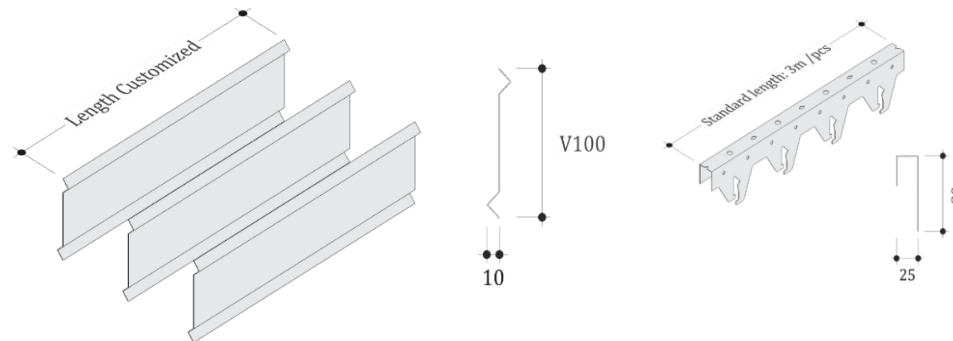
17. TRẦN NHÔM AUSTRONG V-SCREENS

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ POLYESTER	
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)
V100	VNĐ/M2	0.60	430,000	
		0.70	510,000	
		0.80	580,000	
VJ100		0.60	510,000	
		0.70	600,000	
		0.80	680,000	
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Xương V-Screen mạ kẽm		91,000

V100

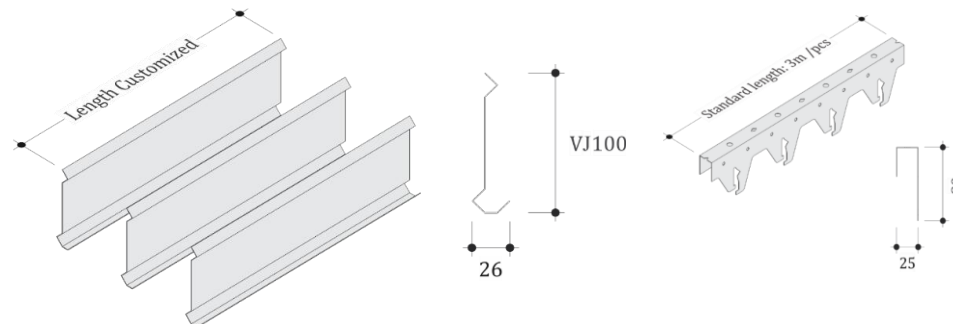
TRẦN VSCREENS-V100



KHOẢNG HỖ TẮM TRẦN TIÊU CHUẨN 100MM

VJ100

TRẦN VSCREENS-VJ100



GHI CHÚ:

1. Tấm trần: Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M)
2. Khung trần: Thép mạ kẽm (ASTM C635/C635-M17)
3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu đặc biệt +3%
4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

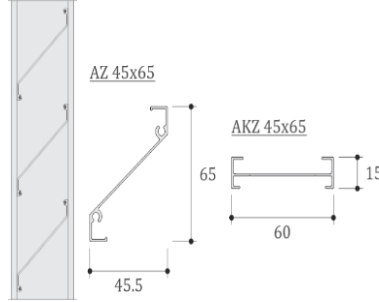
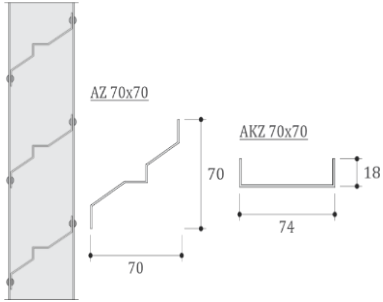
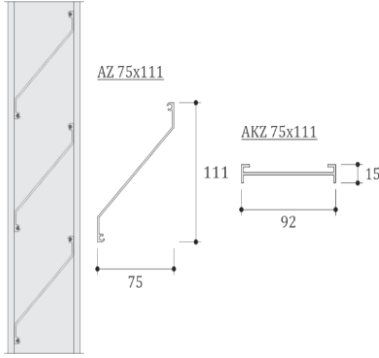
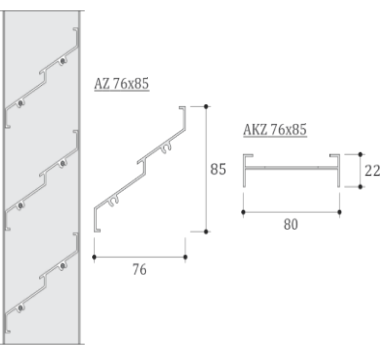
18. LAM CHẮN NẮNG SUN LOUVER 85C/85R/132S

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ POLYESTER		<u>GHI CHÚ:</u> 1. Nhôm A3003 H14-H24 (ASTM B209/B209M) 2. Khung thép mạ kẽm, móc chắn nắng nhôm 6063-T5 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10%, màu vân gỗ +3% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)	
85C	VNĐ/M2	0.60	426,000		LAM CHẮN NẮNG 85C
		0.70	495,000		
		0.80	575,000		
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Thanh xương chắn nắng 85C		101,000	
85R	VNĐ/M2	0.60	500,000		LAM CHẮN NẮNG 85R
		0.70	582,000		
		0.80	676,000		
Phụ kiện	VNĐ/Thanh	Thanh xương chắn nắng 85R		101,000	
132S	VNĐ/M2	0.60	375,000		LAM CHẮN NẮNG 132S
		0.70	440,000		
		0.80	505,000		
Phụ kiện	VNĐ/Chiếc	Móc treo chắn nắng 132S		16,000	

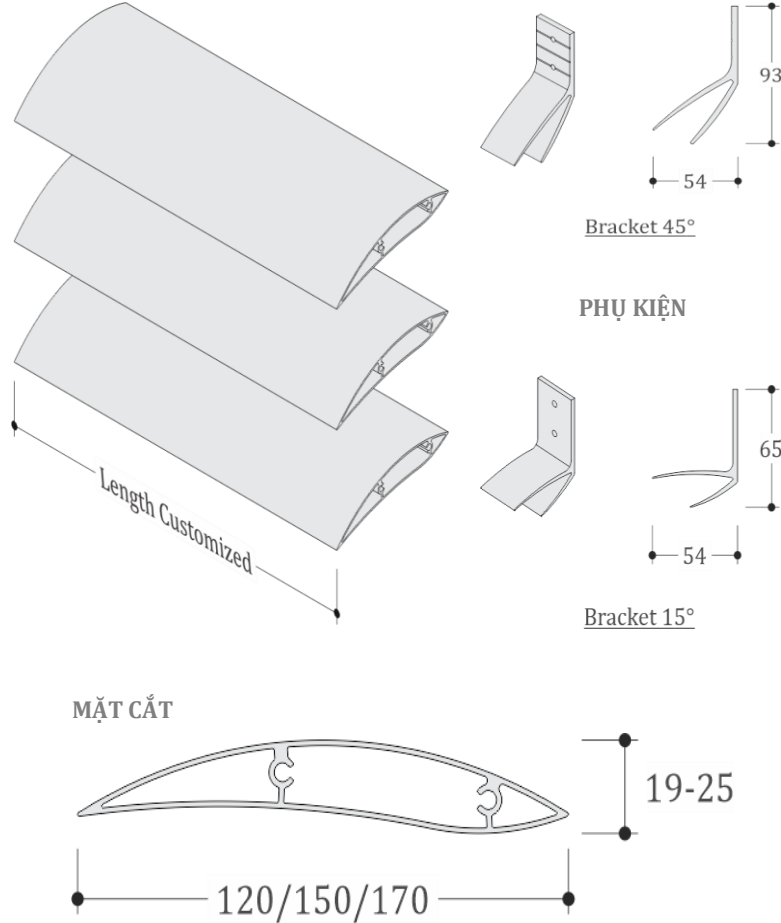
19. LAM CHẮN NẮNG - SUN LOUVER AZ

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		<u>GHI CHÚ:</u> - Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) - Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao - Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% - Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)	
AZ-45.5T10	VNĐ/M	1.00	100,000		MẶT CẮT  MẶT CẮT  MẶT CẮT  MẶT CẮT 
AKZ-45.5T10		1.00	77,000		
AZ-70T12		1.20	104,000		
AKZ-70T15		1.50	111,000		
AZ-75T16		1.60	191,000		
AKZ-75T21		2.10	201,000		
AZ-76T15		1.50	192,000		
AKZ-76T15		1.50	149,000		

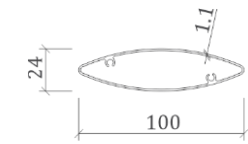
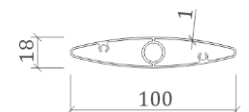
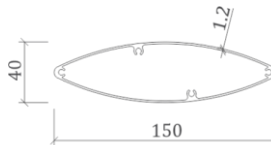
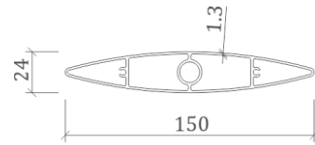
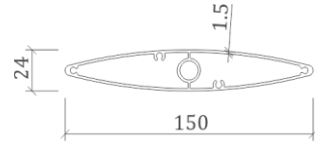
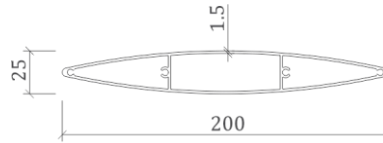
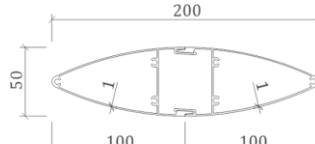
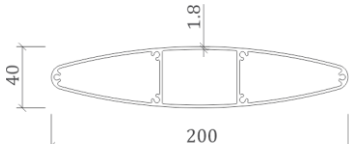
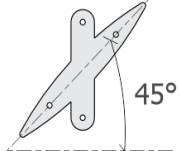
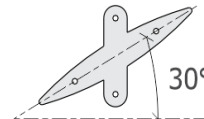
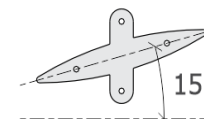
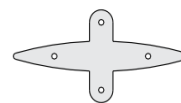
20. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH LÁ LIỄU

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		<u>GHI CHÚ:</u> 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)	
SL-120T12	VNĐ/M	1.20	273,000		
SL-150T14		1.40	374,000		
SL-170T13		1.30	398,000		
Bịt đầu: NBD150SL	VNĐ/Chiếc	1.50	8,000		
Bịt đầu: NBD170SL	VNĐ/Chiếc	1.50	10,000		
Tay đỡ: TD15D	VNĐ/Chiếc	3.00	8,000		
Tay đỡ: TD45D	VNĐ/Chiếc	4.00	14,000		

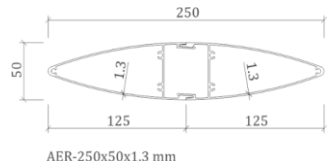
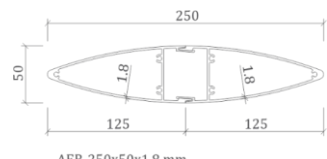
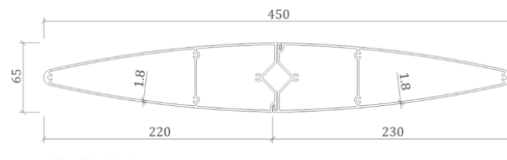
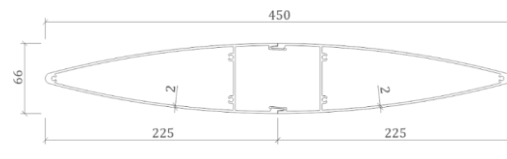
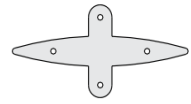
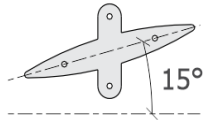
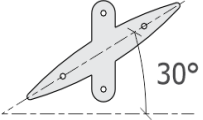
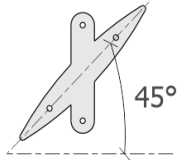
21. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH THOI

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt		
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)			
AER-100-24T11	VNĐ/M	1.10	197,000				
AER-100-18T10		1.00	211,000		AER-100x24x1.1 mm	AER-100x18x1.0 mm	
AER-150-40T12		1.20	344,000				
AER-150-24T13		1.30	403,000				AER-150x40x1.2 mm
AER-150-24T15		1.50	420,000				
AER-200-25T15		1.50	517,000				AER-150x24x1.5 mm
AER-200-50T10		1.00	531,000				
AER-200-40T18		1.80	684,000				AER-200x50x1.0 mm
Bịt đầu: BDT100-150	VNĐ/Chiếc	1.50	26,000		PHỤ KIỆN 		
Bịt đầu: BDT160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	42,000				

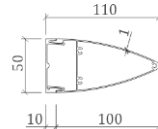
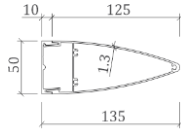
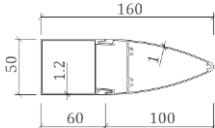
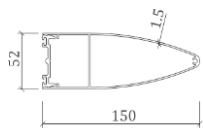
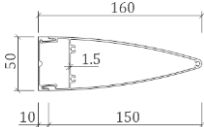
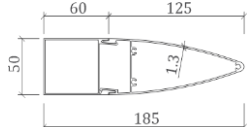
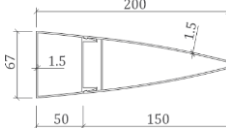
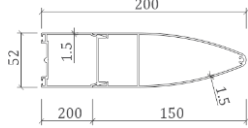
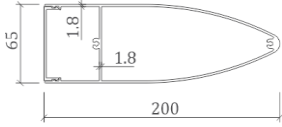
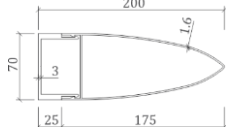
21. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH THOI (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		<u>GHI CHÚ:</u> 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)	
AER-250-50T13	VNĐ/M	1.30	726,000		 AER-250x50x1.3 mm
AER-300-50T15		1.50	923,000		
AER-250-50T18		1.80	977,000		 AER-250x50x1.8 mm
AER-300-50T19		1.90	1,135,000		
AER-450-65T18		1.80	1,703,000		 AER-450x65x1.8 mm
AER-450-66T20		2.00	1,725,000		 AER-450x66x2.0 mm
Bịt đầu: BDT250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	78,000		PHỤ KIỆN    
Bịt đầu: BDT350-450	VNĐ/Chiếc	3.00	156,000		

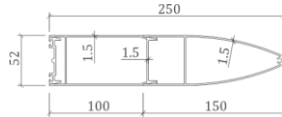
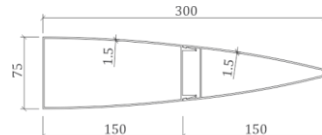
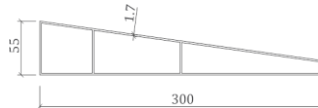
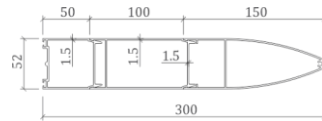
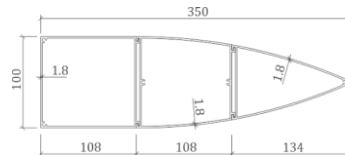
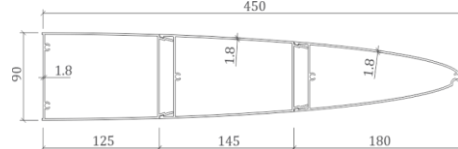
22. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH ĐẦU ĐẠN

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)		
ASL-110-50T10	VNĐ/M	1.00	376,000		 ASL-110x50x1.0 mm	 ASL-135x50x1.3 mm
ASL-135-50T13		1.30	473,000			
ASL-160-50T10		1.00	491,000		 ASL-160x50x1.0 mm	 ASL-150x52x1.5 mm
ASL-150-52T15		1.50	554,000			
ASL-160-50T15		1.50	572,000		 ASL-160x50x1.5 mm	 ASL-185x50x1.3 mm
ASL-185-50T13		1.30	588,000			
ASL-200-67T15		1.50	690,000		 ASL-200x67x1.5 mm	 ASL-200x52x1.5 mm
ASL-200-52T15		1.50	701,000			
ASL-200-65T18		1.80	818,000		 ASL-200x65x1.8 mm	 ASL-200x70x1.6 mm
ASL-200-70T16		1.60	918,000			
Bịt đầu: BDD100-150	VNĐ/Chiếc	1.50	26,000			
Bịt đầu: BDD160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	42,000			

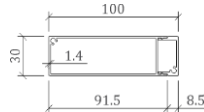
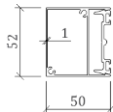
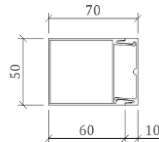
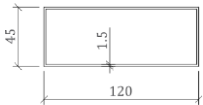
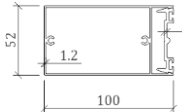
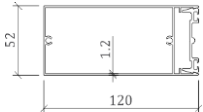
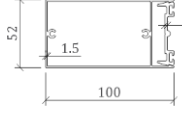
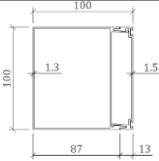
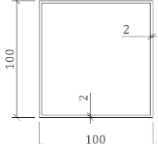
22. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH ĐẦU ĐẠN (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		<u>GHI CHÚ:</u> 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt		
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)			
ASL-250-52T15	VNĐ/M	1.50	912,000		 ASL-250x52x1.5 mm	 ASL-300x75x1.5 mm	
ASL-300-75T15		1.50	921,000				
ASL-300-55T17		1.70	957,000		 ASL-300x55x1.7 mm	 ASL-300x52x1.5 mm	
ASL-300-52T15		1.50	1,058,000				
ASL-300-65T18		1.80	1,194,000		 ASL-300x65x1.8 mm	 ASL-350x100x1.8 mm	
ASL-350-100T18		1.80	1,643,000				
ASL-450-90T18	1.80	1,904,000		 ASL-450x90x1.8 mm			
Bịt đầu: BDD250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	78,000				
Bịt đầu: BDD350-450	VNĐ/Chiếc	3.00	156,000				

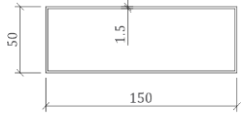
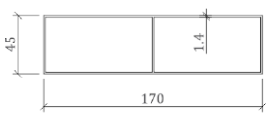
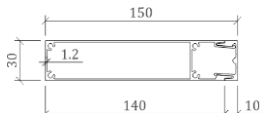
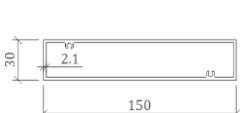
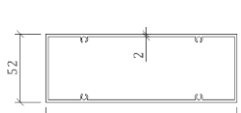
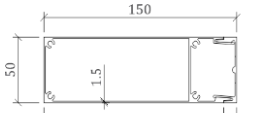
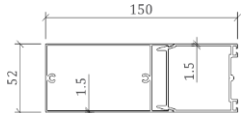
23. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)		
ASB-100-30T14	VNĐ/M	1.40	314,000		 ASB-100x30x1.4 mm	 ASB-50x52x1.0 mm
ASB-50-52T10		1.00	312,000			
ASB-70-50T12		1.20	346,000		 ASB-70x50x1.2 mm	 ASB-120x45x1.5 mm
ASB-120-45T15		1.50	360,000			
ASB-100-52T12		1.20	435,000		 ASB-100x52x1.2 mm	 ASB-120x52x1.2 mm
ASB-120-52T12		1.20	464,000			
ASB-100-52T15		1.50	481,000		 ASB-100x52x1.5 mm	 ASB-100x100x1.3mm
ASB-100-100T13		1.30	584,000			
ASB-100-100T20	2.00	580,000		 ASB-100x100x2.0 mm		
Bịt đầu: BDH100-150	VNĐ/Chiếc	1.50	26,000			

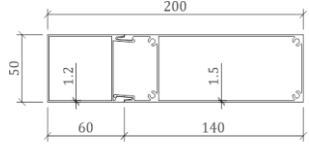
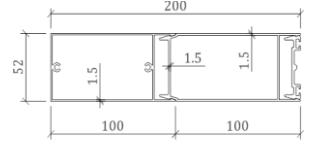
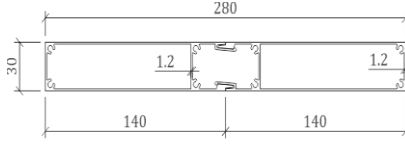
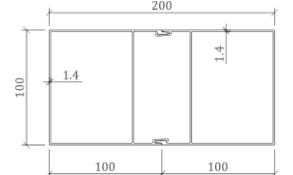
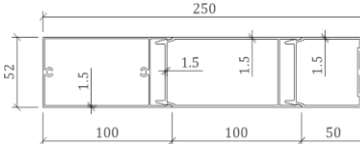
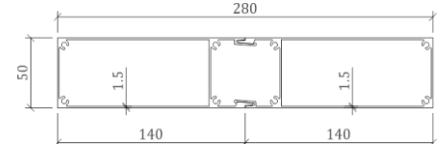
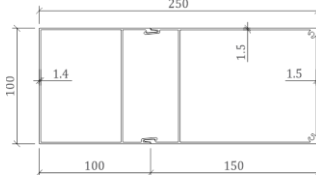
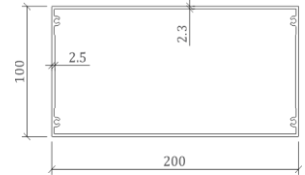
23. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)		
ASB-150-50T15	VNĐ/M	1.50	437,000		 ASB-150x50x1.5 mm	 ASB-170x45x1.4 mm
ASB-170-45T14		1.40	466,000			
ASB-150-30T14		1.40	522,000		 ASB-150x30x1.4 mm	 ASB-150x30x2.1 mm
ASB-150-30T21		2.10	568,000			
ASB-150-52T20		2.00	609,000		 ASB-150x52x2.0 mm	 ASB-150x50x1.5 mm
ASB-150-50T15G		1.50	635,000			
ASB-150-52T15		1.50	638,000		 ASB-150x52x1.5 mm	 ASB-185x70x1.4 mm
ASB-185-70T14		1.40	669,000			
ASB-200-50T20		2.00	728,000		 ASB-200x50x2.0 mm	 ASB-174x100x1.3 mm
ASB-174-100T13		1.30	796,000			
Bịt đầu: BDH160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	42,000			

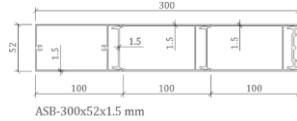
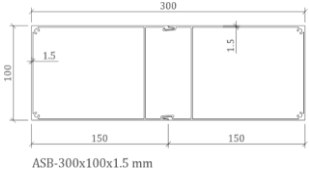
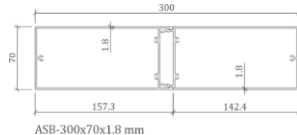
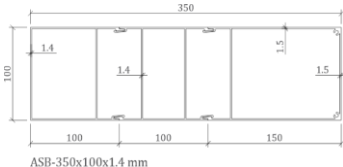
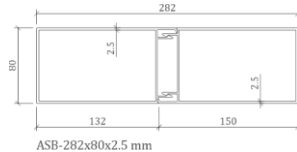
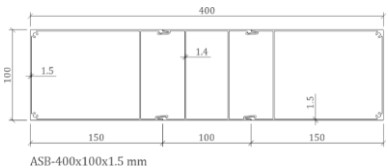
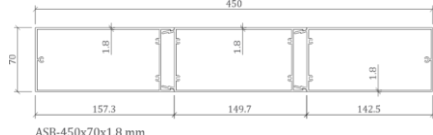
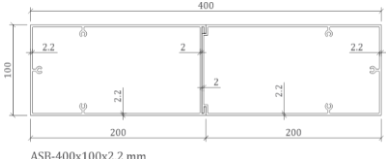
23. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)		
ASB-200-50T15	VNĐ/M	1.50	760,000		 ASB-200x50x1.5 mm	 ASB-200x52x1.5 mm
ASB-200-52T15		1.50	849,000			
ASB-280-30T14		1.40	860,000		 ASB-280x30x1.4 mm	 ASB-200x100x1.4 mm
ASB-200-100T14		1.40	879,000			
ASB-250-52T15		1.50	996,000		 ASB-250x52x1.5 mm	 ASB-280x50x1.5 mm
ASB-280-50T15		1.50	1,049,000			
ASB-250-100T15		1.50	1,057,000		 ASB-250x100x1.5 mm	 ASB-200x100x2.3 mm
ASB-200-100T23		2.30	1,092,000			
Bịt đầu: BDH160-200	VNĐ/Chiếc	2.00	42,000			
Bịt đầu: BDH250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	78,000			

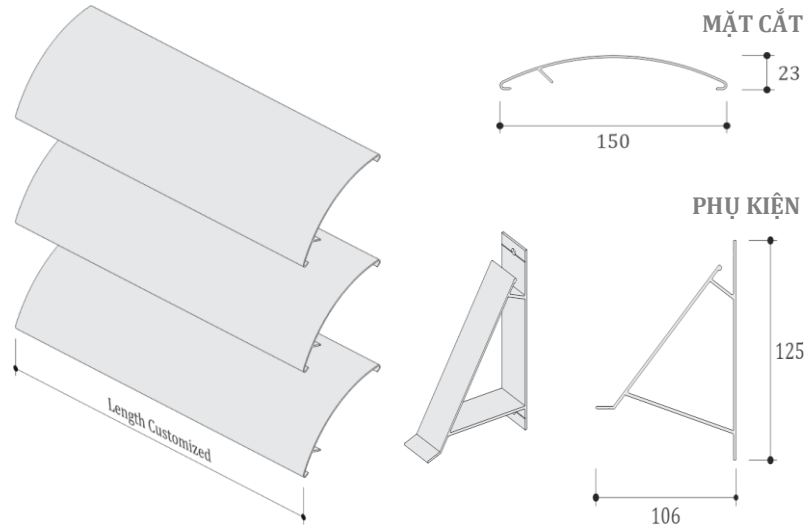
23. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH HỘP (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		GHI CHÚ: 1. Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt	
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)		
ASB-300-52T15	VNĐ/M	1.50	1,207,000		 ASB-300x52x1.5 mm	 ASB-300x100x1.5 mm
ASB-300-100T15		1.50	1,236,000			
ASB-300-70T18		1.80	1,273,000		 ASB-300x70x1.8 mm	 ASB-350x100x1.4 mm
ASB-350-100T14		1.40	1,527,000			
ASB-282-80T25		2.50	1,594,000		 ASB-282x80x2.5 mm	 ASB-400x100x1.5 mm
ASB-400-100T15		1.50	1,705,000			
ASB-450-70T18		1.80	1,938,000		 ASB-450x70x1.8 mm	 ASB-400x100x2.2 mm
ASB-400-100T22		2.20	2,122,000			
Bịt đầu: BDH250-300	VNĐ/Chiếc	2.00	78,000			
Bịt đầu: BDH350-450	VNĐ/Chiếc	3.00	156,000			

24. LAM CHẮN NẮNG - HÌNH CÁNH CUNG

Báo giá có hiệu lực từ ngày: 15/01/2026

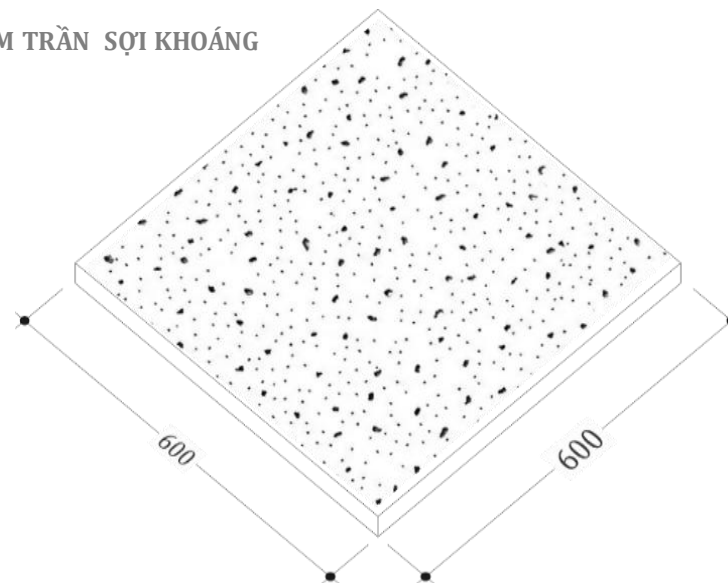
SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	LỚP PHỦ BỀ MẶT		<u>GHI CHÚ:</u> - Nhôm hợp kim 6063-T5 (ASTM B221/B221M-21) - Lớp phủ sơn tĩnh điện tiêu chuẩn cao - Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% - Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt
			(Màu phổ thông)	(Màu đặc biệt)	
ASC-P150	VND/M2	1.40	191,000		
Móc treo MTNTP150	VNĐ/Chiếc	1.50	19,000		

25. TRẦN SỢI KHOÁNG

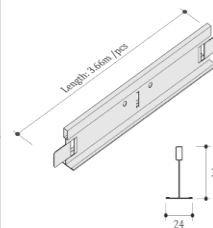
Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	BỀ MẶT	
			(Cạnh gờ)	(Cạnh vuông)
SK600600CG (Tấm cạnh gờ)	VND/M2	15	135,000	
SK600600CV (Tấm cạnh vuông)		15		122,000
Phụ kiện Khung trần	VNĐ/Thanh	T-shaped 38x24x3660mm		51,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x1220mm		15,000
	VNĐ/Thanh	T-shaped 28x24x610mm		9,000
	VNĐ/Thanh	V góc thép 22x22x3000mm		22,000

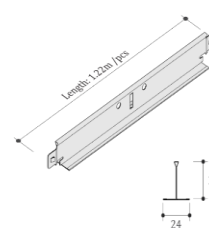
TẤM TRẦN SỢI KHOÁNG



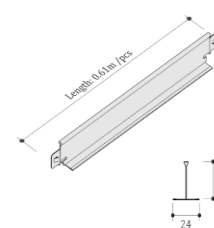
KHUNG T3660



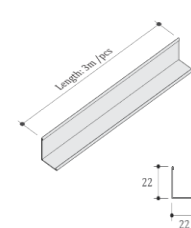
KHUNG T1220



KHUNG T660



THANH V



GHI CHÚ:

- Giá bán/VNĐ, chưa bao gồm thuế VAT 10%
- Giá bán chưa bao gồm vận chuyển và nhân công lắp đặt

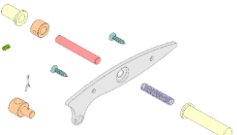
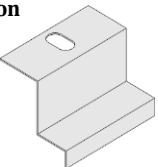
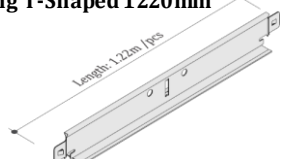
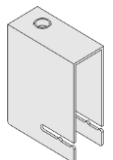
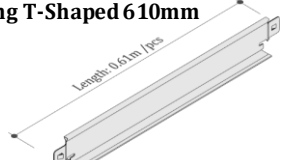
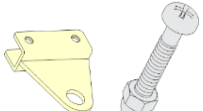
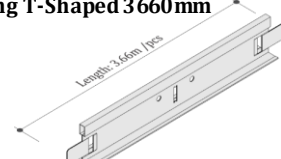
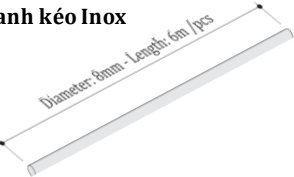
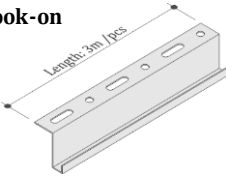
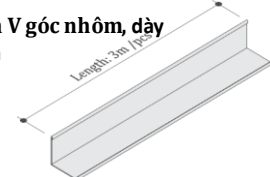
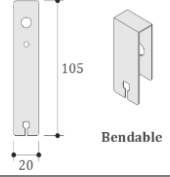
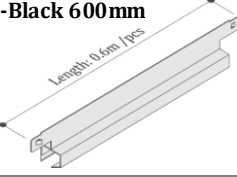
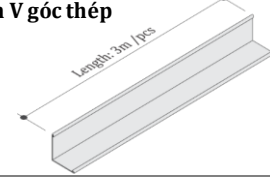
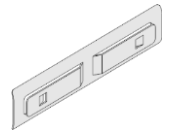
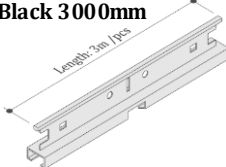
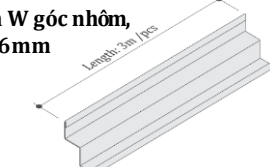
26. TẤM ỐP NHÔM ĐA HÌNH

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

SẢN PHẨM	LỚP PHỦ	ĐVT	ĐỘ DÀY (mm)	MỨC ĐỘ TINH XẢO			GHI CHÚ: 1. Nhôm 3003 H14-24 (ASTM B209/B209-M) 2. Lớp phủ sơn tĩnh điện, sơn FE/PVDF 3. Giá bán chưa bao gồm thuế VAT 10% 4. Giá bán tính theo diện tích trải phôi 5. Giá bán chưa bao gồm nhân công lắp đặt
				(Thấp)	(Trung bình)	(Cao)	
ALUPT15TD	Sơn tĩnh điện	VNĐ/M2	1.50	1,276,000	1,473,000	1,729,000	
ALUPT20TD			2.00	1,599,000	1,842,000	2,147,000	
ALUPT30TD			3.00	2,245,000	2,581,000	2,983,000	
ALUPT08PE	Sơn PE	VNĐ/M2	0.80	732,000	863,000	1,048,000	
ALUPT10PE			1.00	868,000	1,018,000	1,224,000	
ALUPT15PE			1.50	1,208,000	1,406,000	1,663,000	
ALUPT20PE			2.00	1,547,000	1,794,000	2,103,000	
ALUPT30PE			3.00	2,226,000	2,570,000	2,981,000	
ALUPT15PVDF	Sơn PVDF	VNĐ/M2	1.50	1,512,000	1,747,000	2,049,000	
ALUPT20PVDF			2.00	1,943,000	2,238,000	2,601,000	
ALUPT30PVDF			3.00	2,807,000	3,219,000	3,707,000	

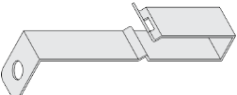
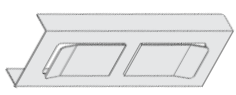
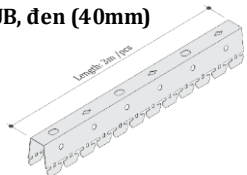
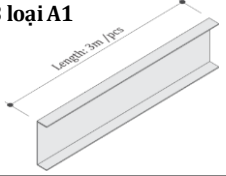
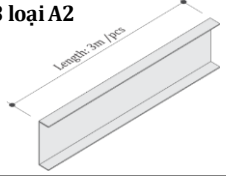
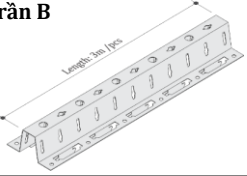
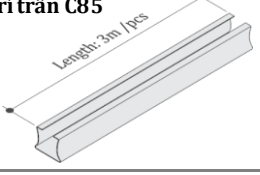
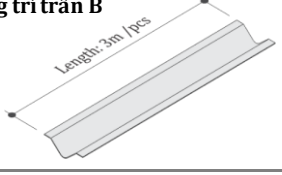
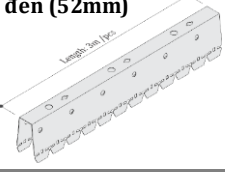
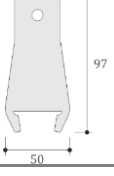
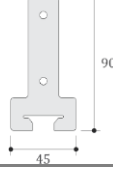
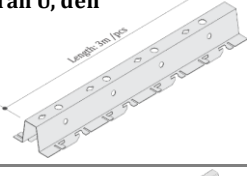
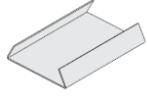
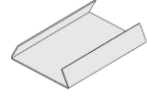
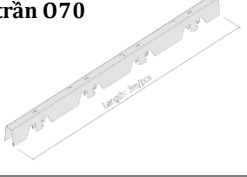
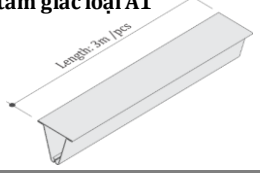
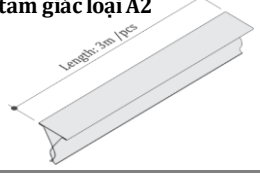
27. PHỤ KIỆN

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Bộ phụ kiện chuyển động 	Bộ	120,000	Kẹp tấm Hook-on 	Chiếc	9,000	Xương T-Shaped 1220mm 	Thanh	15,000
Mô tơ chuyển động 	Bộ	4,692,000	Móc treo Hook-on 	Chiếc	8,000	Xương T-Shaped 610mm 	Thanh	9,000
Kẹp thanh kép 	Bộ	100,000	Nối xương Hook-on 	Chiếc	9,000	Xương T-Shaped 3660mm 	Thanh	51,000
Thanh kéo Inox 	Thanh	390,000	Xương Hook-on 	Thanh	182,000	Thanh V góc nhôm, dày 0,6mm 	Thanh	52,000
Móc T-Black 	Chiếc	2,000	Xương T-Black 600mm 	Thanh	30,000	Thanh V góc thép 	Thanh	22,000
Nối T-Black 	Chiếc	2,000	Xương T-Black 3000mm 	Thanh	149,000	Thanh W góc nhôm, dày 0,6mm 	Thanh	66,000
GHI CHÚ :	1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%							
	2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG							

27. PHỤ KIỆN (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Móc C38 	Chiếc	3,000	Nối C38 	Chiếc	2,000	Xương UB, đen (40mm) 	Thanh	66,000
Xương C38 loại A1 	Thanh	35,000	Xương C38 loại A2 	Thanh	26,000	Xương trần B 	Thanh	106,000
Trang trí trần C85 	Thanh	73,000	Trang trí trần B 	Thanh	37,000	Xương UB, đen (52mm) 	Thanh	121,000
Móc tam giác loại A1 	Chiếc	1,000	Móc tam giác loại A2 	Chiếc	1,000	Xương trần U, đen 	Thanh	67,000
Nối tam giác loại A1 	Chiếc	1,000	Nối tam giác loại A2 	Chiếc	1,000	Xương trần 070 	Thanh	82,000
Xương tam giác loại A1 	Thanh	41,000	Xương tam giác loại A2 	Thanh	26,000			

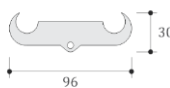
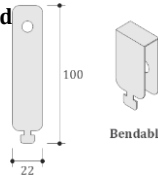
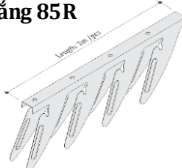
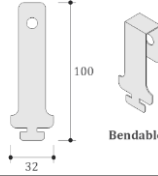
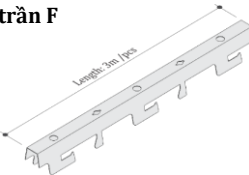
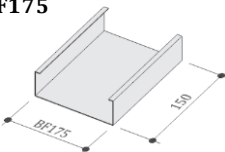
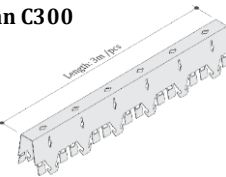
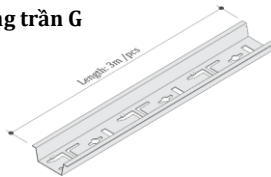
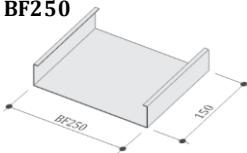
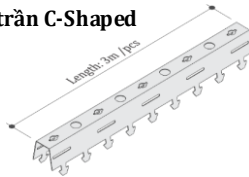
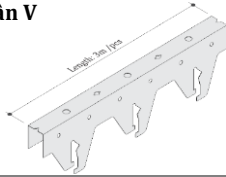
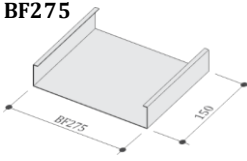
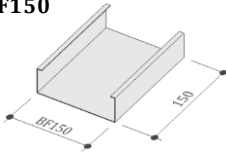
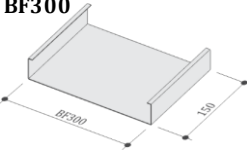
GHI CHÚ :

1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG

27. PHỤ KIỆN (tiếp)

Báo giá có hiệu lực từ ngày: **15/01/2026**

MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ	MÔ TẢ	ĐVT	ĐƠN GIÁ
Móc chắn nắng 132S 	Chiếc	16,000	Móc chắn nắng 85C 	Chiếc	2,000	Móc trần C-Shaped 	Chiếc	1,000
Xương chắn nắng 85R 	Thanh	101,000	Móc trần Cell 	Chiếc	5,000	Móc trần G-200 	Chiếc	3,000
Xương chắn nắng 85C 	Thanh	101,000	Xương trần F 	Thanh	67,000	Nối tấm BF175 	Tấm	17,000
Xương trần C300 	Thanh	50,000	Xương trần G 	Thanh	55,000	Nối tấm BF250 	Tấm	22,000
Xương trần C-Shaped 	Thanh	50,000	Xương trần V 	Thanh	91,000	Nối tấm BF275 	Tấm	23,000
Xương trần C85 	Thanh	50,000	Nối tấm BF150 	Tấm	15,000	Nối tấm BF300 	Tấm	25,000

GHI CHÚ :

1. GIÁ BÁN CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT 10%

2. GIAO HÀNG TẠI NHÀ MÁY AUSTRONG